

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học
Ngành Kiểm toán, mã ngành 7340302**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 670/QĐ-ĐHDL ngày 02/06/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc giao nhiệm vụ đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản số 1980/BB-ĐHDL, ngày 31/8/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Điện lực về việc thông qua chương trình đào tạo ngành Kiểm toán của Khoa Kinh tế & Quản lý;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán, mã ngành 7340302 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kiểm toán, mã ngành 7340302 áp dụng từ khóa D17 và định kỳ cập nhật theo chu kỳ rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế & Quản lý và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, Anhlv (02).

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Châu

Phụ lục
BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành Kiểm toán
Mã ngành 7340302

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1325/QĐ-ĐHDL, ngày 31 tháng 8 năm 2023
của Trường Đại học Điện lực)

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kiểm toán

Tên tiếng Anh: Auditing

Mã ngành đào tạo: 7340302

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KDCL ngày 30 tháng 6 năm 2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm cập nhật bản mô tả: năm học 2022 - 2023

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức toàn diện về kế toán - kiểm toán; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức công việc kiểm toán; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng học tập suốt đời; có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn; có khả năng sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PEO1. Người học có khả năng áp dụng kiến thức chuyên môn toàn diện, khả năng ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

PEO2. Người học có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn và khả năng học tập suốt đời, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán

PEO3. Người học có đạo đức và trách nhiệm trong công việc, có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1 Chuẩn đầu ra

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
	Kiến thức
PLO1	Vận dụng kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật; về khoa học cơ bản; kiến thức về công nghệ thông tin; về khoa học xã hội; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO2	Phân tích và đánh giá được kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu và các công cụ hiện đại của lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kiểm soát, quản trị doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan đến công việc của ngành kiểm toán.
Kỹ năng	
PLO3	Thể hiện tư duy phản biện, tư duy hệ thống, đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, tổ chức và quản lý công tác kiểm toán trong tổ chức.
PLO4	Tổ chức làm việc nhóm và sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả.
PLO5	Vận dụng năng lực số, công nghệ thông tin trong công tác kiểm toán.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO6	Nhận thức và đưa ra nhận định, đánh giá chuyên môn trên cơ sở xem xét đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại; có ý thức học tập suốt đời.

3.2. Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
PLO1	PI1.1	Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	40
	PI1.2	Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết tình huống trong công việc kiểm toán.	60
PLO2	PI2.1	Vận dụng được các quy định, nguyên tắc và các quy định của pháp luật trong công việc kế toán - kiểm toán.	20
	PI2.2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản trong quản lý, điều hành, tổ chức công tác kiểm toán.	25
	PI2.3	Vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát trong quá trình thực hiện công tác kiểm toán	25
	PI2.4	Phân tích được các kiến thức về hoạch định chiến lược và lãnh đạo thực hiện công việc trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán	15
	PI2.5	Đánh giá được các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực kiểm toán để làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu.	15
PLO3	PI3.1	Có kỹ năng phản biện, phê phán và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	35
	PI3.2	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	40
	PI3.3	Có năng lực đổi mới, khởi nghiệp và tổ chức quản lý các hoạt động trong công việc kiểm toán.	25
PLO4	PI4.1	Có kỹ năng tổ chức, hướng dẫn người khác thực hiện công việc và đánh giá kết quả thực hiện công việc trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán	40
	PI4.2	Có khả năng trình bày, chuyển tải thông tin tới nhóm, lãnh đạo đơn vị; có khả năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện công việc kiểm toán	30
	PI4.3	Sử dụng được tiếng Anh để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc kiểm toán khi cần thiết	30

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
PLO5	PI5.1	Vận dụng về công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng đáp ứng yêu cầu công việc kế toán - kiểm toán.	45
	PI5.2	Vận dụng năng lực phân tích hệ thống, ngôn ngữ trong kinh doanh trong công việc kế toán - kiểm toán	55
PLO6	PI6.1	Có đủ khả năng làm việc chủ động, độc lập, tự định hướng hoạt động chuyên môn; đủ năng lực tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc.	30
	PI6.2	Đủ năng lực đánh giá chuyên môn về các nội dung liên quan tới nhiệm vụ trên cơ sở đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp trong mối quan hệ công việc và môi trường làm việc toàn cầu.	35
	PI6.3	Có được ý thức và năng lực về đảm bảo chất lượng, hiệu quả, quản lý các nguồn lực, đổi mới sáng tạo trong công việc.	35

4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán trang bị cho sinh viên tốt nghiệp năng lực để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, sau khi ra trường sinh viên có thể làm việc tại:

- Kiểm toán: Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên (khi đã có kinh nghiệm làm việc) trong các công ty kiểm toán độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ, cơ quan kiểm toán nhà nước.
- Kiểm soát viên trong các tổ chức sản xuất, kinh doanh và đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Kế toán: Kế toán viên tại Phòng/ban kế toán, tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại với quy mô vừa và nhỏ, tổng công ty, tập đoàn.
- Nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực kiểm toán và giảng dạy tại các trường cao đẳng (giảng viên tại các trường đại học sau khi học tiếp chương trình sau đại học)
- Sinh viên ngành kiểm toán có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Kiểm toán có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính, quản trị kinh doanh, kinh tế nói chung tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao và chứng chỉ kế toán công chứng của Anh, Mỹ, Úc (ACCA, ACA, CPA US, CA ANZ), kiểm toán Việt Nam (CPA), chứng chỉ hành nghề thuế; phát triển sang lĩnh vực kế toán quản trị Mỹ (CIMA); Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan khối kinh tế, ngoại ngữ, luật.

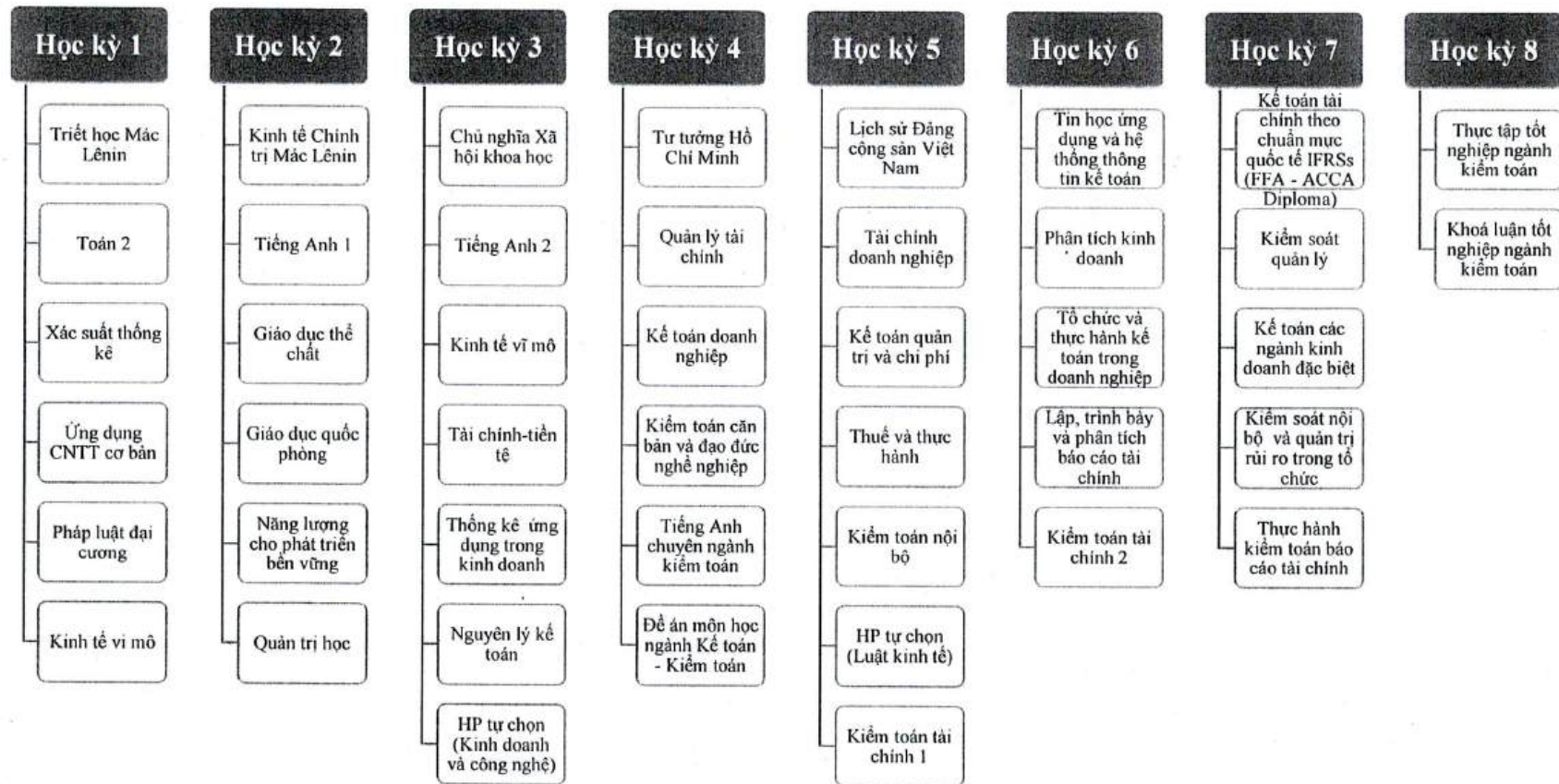
Trong CTĐT có tích hợp các học phần định hướng nghề nghiệp và một số học phần theo chứng chỉ ACCA Diploma, sinh viên có cơ hội tiếp tục hoàn thiện chứng chỉ kế toán công chứng của Anh (ACCA).

6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).
- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ (Không bao gồm khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

8. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo



9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình (Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến n. Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức đánh giá: Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: Cao)

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	CHUẨN ĐẦU RA (PLO)						Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		34							
1	Toán và các môn KH cơ bản		5							
1.1	Toán cao cấp 2	004546	3	2						
1.2	Xác suất thống kê	003657	2	1						
2	Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội		18							
2.1	Triết học Mác - Lênin	003923	3	1					2	
2.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	003925	2	1					1	
2.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	003926	2	1					1	
2.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	2	2					2	
2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	003928	2	2					1	
2.6	Pháp luật đại cương	002018	2	1	2				2	
2.7	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	2	1					2	
2.8	Quản trị học	002244	3		2		2		2	
3	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	004547	3	2				3		
4	Ngoại ngữ cơ bản		8							
4.1	Tiếng Anh 1	003137	4				3		1	
4.2	Tiếng Anh 2	004549	4				3		1	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		94							
1	Kiến thức cơ sở ngành		18							
1.1	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		16							
1.1.1	Kinh tế vi mô	001216	3	2	2				2	
1.1.2	Kinh tế vĩ mô	001223	2	2	2				2	
1.1.3	Tài chính-tiền tệ	002354	2	2	2				2	
1.1.4	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	3	3			2	2	2	

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	CHUẨN ĐẦU RA (PLO)						Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	
1.1.5	Nguyên lý kế toán	001838	3		3	2	2		2	
1.1.6	Quản lý tài chính	002208	3		3	2			2	
1.2	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn 2 TC)		2							
1.2.1	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	2	2		2		2	2	
1.2.2	Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	004764	2	2		2	3	2	2	
1.2.3	Lập trình Python	003881	2	2		2	2	2	2	
1.2.4	Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	004733	2		3	2	3		2	
1.2.5	Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1- Diploma)	004734	2		3	2	3		2	
1.2.6	Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)	004735	2		3	3	3		3	
2	Kiến thức ngành		48							
2.1	Kiến thức ngành bắt buộc		45							
2.1.1	Kế toán doanh nghiệp	001023	3		3	3			3	
2.1.2	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	004686	4		3		3		3	
2.1.3	Kế toán quản trị và chi phí	001051	2	3	3		2		3	
2.1.4	Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	004689	4		3	3	2		3	
2.1.5	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	4	3	3	2	3	3	3	
2.1.6	Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán	003216	3		3		3		3	
2.1.7	Phân tích kinh doanh	004695	3		3	3		3	3	
2.1.8	Thuế và thực hành	004868	4	3	3	3	3		3	
2.1.9	Luật kinh tế	001506	2	2	3	3			3	
2.1.10	Tài chính doanh nghiệp	002338	3		3	3			3	
2.1.11	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	4		3	3		3	3	
2.1.12	Kiểm toán nội bộ	004865	3		3		3		3	
2.1.13	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	3		3	3		3	3	
2.1.14	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	3		3		3		3	

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	CHUẨN ĐẦU RA (PLO)						Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	
2.2	Kiến thức ngành tự chọn (Chọn 3 TC)		3							
2.2.1	Kiểm soát quản lý	004864	3		3	3			3	
2.2.2	Kiểm toán hoạt động	004301	3							
2.2.3	Tài chính cá nhân ứng dụng	004698	3		2	3			2	
2.2.4	Quản lý nhân lực	002176	3		3	2			3	
2.2.5	Khởi sự kinh doanh	004722	3		2	3			2	
2.2.6	Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	004835	4		2			3	2	
2.2.7	Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma)	004737	3		3	3	3		3	
2.2.8	Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	004697	3		3	3	3		3	
2.2.9	Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma)	001048	3		3		3		3	
2.2.10	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	2			3	3		3	
2.2.11	Kiến tập hệ kiểm toán	004739	3		3	3			3	
3	Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)		17							
3.1.1	Kiểm toán tài chính 1	001157	3		3	3			3	
3.1.2	Kiểm toán tài chính 2	001158	3		3	3	3		3	
3.1.3	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	3		3	3	3		3	
3.1.4	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	004863	4	3	3	3			3	
3.1.5	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	004303	4		3	3	3	3	3	
4	Thực tập tốt nghiệp	004574	4		3	3	3	3	3	
5	Khóa luận tốt nghiệp	004593	7		3	3	3	3	3	
	Cộng		128							

10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành.

11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %
I	Kiến thức giáo dục đại cương	13	34	27%
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó	27	87	68%
1	Kiến thức cơ sở ngành	7	18	14%
1.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp			
1.1.1	Bắt buộc	6	16	
1.1.2	Tự chọn	1	2	
1.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	
1.2.1	Bắt buộc			
1.2.2	Tự chọn			
2	Kiến thức ngành	14	48	38%
2.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp			
2.1.1	Bắt buộc	12	42	
2.1.2	Tự chọn	1	3	
2.2	Các học phần thực hành, thực tập.			
2.2.1	Bắt buộc	1	3	
2.2.2	Tự chọn	0	0	
3	Kiến thức chuyên ngành	5	17	13%
3.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp			
3.1.1	Bắt buộc	4	13	
3.1.2	Tự chọn	0	0	
3.2	Các học phần thực hành, thực tập.			
3.2.1	Bắt buộc	1	4	
3.2.2	Tự chọn	0	0	
4	Kiến thức chuyên sâu đặc thù	0	0	
5	Thực tập tốt nghiệp	1	4	3%
III	Khóa luận tốt nghiệp	1	7	5%
	Cộng	41	128	100%

12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ

TT	Học kỳ	Mã HP	Tên Học phần	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45	0	Không	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
2	2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30	0	003923	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
3	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	003925	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
4	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	003926	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
5	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	003505	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
6	2	003137	Tiếng Anh 1	4	120	0	Không	GD ĐC	Thực hành	2	KNN
7	3	003144	Tiếng Anh 2	4	120	0	003137	GD ĐC	Thực hành	2	KNN
8	2	000801	Giáo dục thể chất	4			Không	GD ĐC	Thực hành		GDTC&QP
9	2	000785	Giáo dục quốc phòng	11			Không	GD ĐC	Thực hành		GDTC&QP
10	1	004546	Toán cao cấp 2	3	45	0	Không	GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
11	1	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	Không	GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
12	1	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12	Không	GD ĐC	Thực hành	2	CNTT
13	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	KHCT
14	2	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	CNNL
15	2	002244	Quản trị học	3	45	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	KTQL
16	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
17	3	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL
18	3	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL
19	3	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	30	30	003657	CSN	Tự luận	2	KTQL
20	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
21	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
22	3	004764	Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	2	30	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL
23	4	001023	Kế toán doanh nghiệp	3	45	0	001838	Ngành	Tự luận	2	KTQL
24	7	004686	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	4	60	0	001838	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
25	5	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	001838	Ngành	Tự luận	1	KTQL
26	4	004689	Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	4	60	0	001838	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL

TT	Học kỳ	Mã HP	Tên Học phần	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
27	6	004869	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	4	30	60	001838	Ngành	Thực hành	2	KTQL
28	4	003216	Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán	3	45	0	003144	Ngành	Tự luận	2	KTQL
29	6	004695	Phân tích kinh doanh	3	30	30	001023	Ngành	Tự luận	2	KTQL
30	5	004868	Thuế và thực hành	4	45	30	001838	Ngành	Tự luận	2	KTQL
31	7	004864	Kiểm soát quản lý	3	45	0	004689	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
32	5	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45	0	002208	Ngành	Tự luận	2	KTQL
33	6	004870	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	4	45	30	003786	Ngành	Thực hành	2	KTQL
34	5	004865	Kiểm toán nội bộ	3	45	0	004689	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
35	6	004692	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	3	30	30	001023	Ngành	Tự luận	2	KTQL
36	4	004681	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	3	0	90	004689	Ngành	BCCĐ	1	KTQL
37	5	001506	Luật kinh tế	2	30	0	002018	Ngành	Tự luận	2	KTQL
38	5	001157	Kiểm toán tài chính 1	3	45	0	004689	CN	Trắc nghiệm	2	KTQL
39	6	001158	Kiểm toán tài chính 2	3	45	0	001157	CN	Trắc nghiệm	2	KTQL
40	7	004687	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	3	45	0	004689	CN	Trắc nghiệm	2	KTQL
41	7	004863	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	4	60	0	001838	CN	Tự luận	2	KTQL
42	7	004303	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	4	0	120	001158	CN	BCCĐ	1	KTQL
43	8	004574	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	004303	CN	BCCĐ	1	KTQL
44	8	004593	Khoá luận tốt nghiệp	7	0	210	004574	CN	BCCĐ	1	KTQL
Các học phần tự chọn:											
45		004723	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	30	0	004546	CSN	Tự luận	1	KTQL
46		003881	Lập trình Python	2	30	0	Không	CSN	Tự luận	1	KTQL
48		004301	Kiểm toán hoạt động	3	45	0	004689	Ngành	Trắc nghiệm	1	KTQL
49		004698	Tài chính cá nhân ứng dụng	3	30	30	001216	Ngành	Tự luận	2	KTQL
50		002176	Quản lý nhân lực	3	45	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	1	KTQL
51		004722	Khởi sự kinh doanh	3	30	30	002244	Ngành	BCCĐ	1	KTQL

TT	Học kỳ	Mã HP	Tên Học phần	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
52		004835	Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	4	45	30	004547	Ngành	Tự luận	1	KTQL
53		004733	Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	2	30	0	Không	GDCN	Trắc nghiệm	1	KTQL
54		004734	Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1 - Diploma)	2	30	0	Không	GDCN	Trắc nghiệm	1	KTQL
55		004735	Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)	2	30	0	004733	GDCN	Trắc nghiệm	1	KTQL
56		004737	Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma)	3	45	0	004735	GDCN	Trắc nghiệm	2	KTQL
57		004697	Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	3	45	0	004734	GDCN	Trắc nghiệm	2	KTQL
58		001048	Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA - ACCA Diploma)	3	45	0	004734	GDCN	Trắc nghiệm	2	KTQL
59		004691	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	3	30	30	Không	GDCN	Trắc nghiệm	2	KTQL
60		004739	Kiểm tập hệ kiểm toán	3	0	90	004689	GDCN	BCCĐ	1	KTQL

(Ký hiệu: GDĐC: Giáo dục đại cương; CSN: Cơ sở ngành; CN: Chuyên ngành; GDCN: Giáo dục chuyên nghiệp)

13. Mô tả tóm tắt các học phần

13.1 Triết học Mác Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3

Học phần gồm 3 chương cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin, bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy lôgic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

13.2 Kinh tế Chính trị Mác Lênin

Mã môn học: 003925

TC: 2

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lênin, về kinh tế hàng hoá, thị trường và nền kinh tế thị trường cũng như các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường, học thuyết về giá trị thặng dư của C Mác, về quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học niềm tin và ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

13.3 Chủ nghĩa Xã hội khoa học

Mã môn học: 003926

TC: 2

Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

13.4 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505

TC: 2

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

13.5 Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mã môn học: 003928

TC: 2

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng". Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

13.6 Tiếng Anh 1**Mã môn học: 003137****TC: 4**

Học phần Tiếng Anh.1 là học phần chính thức đầu tiên trong chương trình đào tạo Tiếng Anh hướng tới chuẩn đầu ra tương đương bậc 3/6 (đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) của trường Đại học Điện lực. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về các chủ đề quen thuộc trong đời sống, công việc, học tập hàng ngày như giao tiếp hàng ngày, mua sắm, du lịch, công sở, trải nghiệm sống... giúp người học có thể xử lý hầu hết các tình huống phát sinh khi đến khu vực nói Tiếng Anh với điều kiện người nói sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, chuẩn xác. Kết thúc học phần, người học có năng lực tiếp tục học phần Tiếng Anh 2.

13.7 Tiếng Anh 2**Mã môn học: 003144****TC: 4**

Học phần Tiếng Anh B1.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cho sinh viên chính quy Đại học Điện lực nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra trình độ tương đương bậc 3/6 (KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT) gồm 15 nội dung. Mỗi nội dung bao gồm: ngữ pháp, ngữ âm và các nội dung thực hành toàn diện 4 Ngữ dụng, nói, đọc, viết thông qua các bài học đa dạng về chủ đề và loại hình bài tập

13.8 Giáo dục thể chất**Mã môn học: 000801,000808,000813,000816 TC: 4TC**

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHDL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học. Chương trình cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tự giác, tích cực. Giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân. Biết được một số nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, y học thể thao, sinh lý học vận động, kiến thức về phương pháp tập luyện, rèn luyện thể chất một số môn thể thao cơ bản.

13.9 Giáo dục quốc phòng**Mã môn học: 000785, 000788, 000791, 003788****TC: 11TC**

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Chương trình cung cấp những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Bước đầu làm quen với tác phong, nề nếp, các chế độ sinh hoạt, học tập trong môi trường quân đội, có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, cộng đồng ở trường, lớp.

13.10 Toán cao cấp 2**Mã môn học: 004546****TC: 3**

Học phần giúp sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng ban đầu của Giải tích thực một biến và nhiều biến: giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, tích phân, tích phân suy rộng, tích phân bội, tích phân đường, chuỗi số, chuỗi hàm, phương trình vi phân và ứng dụng các kiến thức này để giải một số bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

13.11 Xác suất thống kê**Mã môn học: 003657****TC: 2**

Học phần được chia làm hai phần: Phần Lý thuyết xác suất: trình bày những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất bao gồm các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên, từ đó hiểu được tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế. Phần Thống kê toán: sử dụng các công cụ toán cao cấp và lý thuyết xác suất để nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thống kê bao gồm cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, các phương pháp ước lượng tham số và bài toán kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế.

13.12 Ứng dụng CNTT cơ bản**Mã môn học: 004547****TC: 3**

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản là một học phần mang tính ứng dụng, nội dung học phần được xây dựng theo các mô đun quy định tại Khoản 1 Điều 2 về “Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản” của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ thông tin và truyền thông.

13.13 Pháp luật đại cương**Mã môn học: 002018****TC: 2**

Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Bao gồm những nội dung cơ bản sau đây: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu môn học khác. Phổ biến những quy định của pháp luật thực định trong một số lĩnh vực như: hiến pháp, hình sự, dân sự, hành chính, phòng chống tham nhũng.

13.14 Năng lượng cho phát triển bền vững**Mã môn học: 004552 TC: 2**

Học phần gồm các nội dung: Các chính sách phát triển năng lượng, xu hướng chuyển dịch năng lượng trên thế giới và Việt Nam; Các khái niệm cơ bản về hệ thống năng lượng; Nhu cầu sử dụng năng lượng; Các cơ quan quản lý năng lượng Việt Nam; Cấu trúc hệ thống điện Việt Nam; Sơ đồ quản trị các nhà máy điện, công nghệ sản xuất điện và các phương pháp lưu trữ điện năng; Khái niệm về biến đổi khí hậu và phát triển năng lượng bền vững bảo vệ môi trường.

13.15 Quản trị học**Mã môn học: 002244****TC: 3**

Học phần cung cấp những khái niệm chung về quản trị, các nội dung về nhà quản trị, môi trường quản trị, các tư tưởng quản trị và các lý thuyết liên quan đến bốn chức năng cơ bản của quản trị bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Đồng thời, học phần đề cập đến các nội dung căn bản trong việc ra quyết định, văn hóa tổ chức. Việc hiểu biết các nội dung trên cùng với nắm vững các nguyên lý cơ bản của bốn

chức năng quản trị sẽ giúp người học vận dụng hiệu quả vào công việc liên quan tới quản trị trong tổ chức, doanh nghiệp.

13.16 Kinh tế vi mô

Mã môn học: 001216

TC: 3

Học phần trang bị kiến thức về các đối tượng trong nền kinh tế, luật cung cầu, lợi ích chi phối hành vi người tiêu dùng, quyết định của nhà sản xuất trên cơ sở nguồn lực, đặc thù của từng loại cấu trúc thị trường và quyết định của doanh nghiệp, quyết định về sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp, những thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ.

13.17 Kinh tế vĩ mô

Mã môn học: 001223

TC: 2

Học phần cung cấp các khái niệm, phương pháp đo lường một số chỉ tiêu vĩ kinh tế vĩ mô cơ bản; xem xét các thành phần cấu thành tổng cầu; phân tích mối quan hệ giữa tổng cung và tổng cầu; nghiên cứu các quan hệ trên thị trường tiền tệ; giới thiệu bản chất và tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; thất nghiệp, lạm phát.

13.18 Tài chính-tiền tệ

Mã môn học: 002354

TC: 2

Học phần Tài chính tiền tệ trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về tài chính, tiền tệ, lãi suất, lạm phát trong nền kinh tế thị trường. Cụ thể, học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến hoạt động của NHTW, các tổ chức tài chính, về cung cầu tiền tệ và chính sách tiền tệ của NHTW. Qua đó, sinh viên có kiến thức nền tảng để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản về Tài chính- tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế- xã hội. Ngoài ra, môn học cung cấp các kỹ năng cần thiết để sinh viên nhận biết, phân tích và xử lý thông tin, những vấn đề liên quan đến tình hình tài chính, ngân sách tại cơ quan công quyền, doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính khác.

13.19 Thống kê ứng dụng trong kinh doanh. Mã môn học: 004557. TC: 3

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thu thập, tổng hợp, trình bày dữ liệu thống kê liên quan đến các vấn đề trong kinh doanh; trình bày các phương pháp, các kỹ năng tính toán, phân tích, dự báo, suy diễn từ số liệu, dữ liệu thu thập được.

13.20 Nguyên lý kế toán

Mã môn học: 001838

TC: 3

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung, các nguyên tắc kế toán các phương pháp kế toán, hạch toán được các quá trình cơ bản: quá trình mua hàng, quá trình sản xuất, quá trình tiêu thụ; hiểu và vận dụng được cách lập chung về hai báo cáo tài chính cơ bản, hiểu các hình thức sổ kế toán và vận dụng trong công tác kế toán doanh nghiệp

13.21 Quản lý tài chính

Mã môn học: 002208

TC: 3

Học phần Quản lý tài chính là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về quản lý tài chính trong doanh nghiệp nói chung, vận dụng hiểu biết để đưa ra quyết định tài chính đúng đắn, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp và đảm bảo an toàn về mặt tài chính.

13.22 Phương pháp tối ưu trong kinh tế Mã môn học: 004723 TC: 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình hóa bài toán, nắm được các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán đối ngẫu, mô hình mạng và lý thuyết ra quyết định. Trang bị cho sinh viên kỹ năng chuyển các tình huống thực tế trong quản lý kinh tế thành dạng mô hình toán học, từ đó giúp đưa ra quyết định tối ưu trong kinh doanh. Ngoài ra, môn học cung cấp cho sinh viên một số phần mềm giải các bài toán quy hoạch tối ưu

13.23 Lập trình Python Mã môn học: 003881 TC: 2

Học phần này cung cấp các kiến thức trong ngôn ngữ lập trình Python như kiểu dữ liệu, toán tử, biểu thức, vòng lặp, hàm, module. Khi kết thúc học phần, sinh viên cài đặt được một số chương trình cơ bản và ứng dụng dựa trên nền tảng mã nguồn mở Python.

13.24 Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)

Mã môn học: 004764. TC: 2

Học phần cung cấp cho sinh viên nền tảng của một tổ chức kinh doanh, môi trường, các bên liên quan, cấu trúc kinh doanh và công nghệ trong tài chính, kinh doanh.

13.25 Kế toán doanh nghiệp Mã môn học: 001023 TC: 3

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp, giúp cho người học hiểu được : « kế toán là quá trình thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế-tài chính của đơn vị » dựa trên các nguyên tắc nhất định. Sau khi học xong học phần Kế toán doanh nghiệp, người học có thể hiểu, vận dụng các nguyên tắc kế toán vào từng phần hành kế toán cụ thể : Kế toán hàng tồn kho ; Kế toán tiền lương ; Kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn ; Kế toán vốn bằng tiền ; Kế toán chi phí SX và giá thành sản phẩm ; Kế toán tiêu thụ và xác định KQKD. Đồng thời, người học biết đọc, hiểu Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, kết nối kiến thức với các môn học khác.

13.26 Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma) Mã môn học: 004686 TC: 4

Học phần trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản của khung pháp lý liên quan đến việc lập, trình bày các tài khoản kế toán và các đặc điểm định tính của thông tin kế toán hữu ích; soạn thảo báo cáo tài chính và các nguyên tắc chuẩn bị các tài khoản kế toán; tập trung chuyên sâu vào việc ghi chép, xử lý và báo cáo các giao dịch và sự kiện kinh doanh; lập bảng cân đối tài khoản, cách xác định và sửa các sai sót, sau đó là lập, trình bày báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp đơn lẻ.

13.27 Kế toán quản trị và chi phí Mã môn học: 001051 TC: 2

Học phần Kế toán quản trị và chi phí trang bị cho người học các kỹ năng giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật của kế toán quản trị từ đó giúp cho người học nắm chắc các nội dung liên quan đến trình bày và đọc hiểu các thông tin trong các báo cáo kế toán quản trị. Học phần còn trang bị cho người học trình tự xử lý, phân tích các thông tin kế toán quản trị đã cung cấp một cách hiệu quả, giúp đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.

13.28 Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp

Mã môn học: 004689. TC: 4

Học phần Kiểm toán căn bản là học phần ngành bắt buộc đối với ngành Kiểm toán, cung cấp kiến thức cơ bản về Kiểm toán để sinh viên tiếp tục học các học phần chuyên ngành sâu về kiểm toán tài chính, kiểm toán nội bộ và kiểm toán hoạt động. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của kiểm toán các bước tổ chức một cuộc kiểm toán, tổ chức bộ máy kiểm toán, hiểu báo cáo kiểm toán, nội dung thực hiện cuộc kiểm toán báo cáo tài chính. Học phần cung cấp phương pháp chung của kiểm toán và chuẩn mực kiểm toán để giúp người học có được cơ sở đánh giá về các vấn đề được phát hiện trong quá trình thực hiện kiểm toán. Học phần tích hợp nội dung của chuyên đề Kiểm toán trong chương trình ACCA Diploma. Học phần cũng hướng dẫn sử dụng chuẩn mực nghề nghiệp, có kỹ năng phân tích, đánh giá rủi ro, rèn tư duy thận trọng, thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán, từ đó cung cấp các báo cáo kiểm toán đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.

13.29 Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán

Mã môn học: 004869 TC: 4

Học phần Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản cũng như nâng cao về Excel và ứng dụng của excel trong lĩnh vực kinh tế quản lý, về thông tin kế toán, hệ thống thông tin kế toán, công tác thiết kế, tổ chức dòng thông tin kế toán được xử lý trong điều kiện thủ công và trên máy vi tính. Không những vậy, học phần này còn trang bị những kiến thức giúp sinh viên biết cách xử lý số liệu đầu vào để ghi sổ, lập báo cáo kế toán trên Excel và trên phần mềm kế toán Misa; nắm bắt nguyên lý để xử lý số liệu đầu vào, phân loại và tra cứu thông tin kế toán trên Excel và phần mềm kế toán Misa, làm cơ sở cho công việc thực tế sau này.

13.30 Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán Mã môn học: 003216 TC: 3

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán nói chung: nghề kế toán và sự khác biệt của nghề kế toán với công việc ghi chép số liệu, lập và phân tích báo cáo tài chính; phân tích các chỉ số tài chính; tìm hiểu các nguyên tắc trong lập báo cáo tài chính; tìm hiểu kế toán tài chính và kế toán quản trị; khám phá công việc kiểm toán.

13.31 Phân tích kinh doanh Mã môn học: 004695 TC: 3

Học phần cung cấp kiến thức về phân tích hoạt động kinh doanh, trang bị cho người học kiến thức tổng hợp về phân tích ngành, phân tích chiến lược cạnh tranh nhằm xác định các nhân tố chủ yếu tạo ra lợi nhuận và dẫn đến rủi ro kinh doanh. Ngoài ra giúp sinh viên phân tích chiến lược, các bước, các nhân tố trong hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Học phần sử dụng phần mềm phân tích để đánh giá hiệu quả kinh doanh.

13.32 Thuế và thực hành Mã môn học: 004868 TC: 4

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trên góc độ lý thuyết về các sắc thuế lớn trong hệ thống thuế Việt Nam (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế

nhà thầu); các quy định về kê khai và quyết toán thuế. Bên cạnh đó, học phần hướng dẫn sinh viên làm quen với phần mềm hỗ trợ kê khai, quyết toán thuế. Sinh viên trực tiếp thực hành kê khai các loại thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu trên máy tính cá nhân của mình. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức và kinh nghiệm về Thuế trong doanh nghiệp nhằm hoạch định thuế trong đầu tư và kinh doanh.

13.33 Kiểm soát quản lý

Mã môn học: 004864

TC: 3

Học phần Kiểm soát quản lý là học phần chuyên ngành của ngành Kiểm toán và học phần chuyên ngành tự chọn của ngành Kế toán. Học phần trang bị cho người học tổng quan về kiểm soát quản lý, những nội dung của kiểm soát trong chu trình quản lý của tổ chức. Học phần định hướng người học đến kiểm soát kết quả tài chính và hệ thống đánh giá, kiểm soát nội bộ và những vấn đề liên quan đến doanh nghiệp. Các vấn đề quản trị doanh nghiệp được gắn với vai trò kiểm soát và cách thức đo lường, đánh giá được cung cấp tổng quan trong nội dung học phần. Từ đó, giúp người học có được tính độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm và tinh thần tích cực, định hướng mục tiêu trong việc thực hiện các công việc được giao trong tổ chức.

13.34 Tài chính doanh nghiệp

Mã môn học: 002338

TC: 3

Học phần Tài chính doanh nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp để có thể vận dụng nhằm giải quyết các vấn đề tài chính doanh nghiệp như nội dung – vai trò – các mối quan hệ của tài chính doanh nghiệp; quản lý doanh thu – chi phí - lợi nhuận; công tác huy động vốn, sử dụng vốn và quản trị vốn của doanh nghiệp như nào có hiệu quả cao nhất; hiểu rõ hơn về các nguồn vốn được sử dụng trong doanh nghiệp như nguồn vốn ngắn hạn, nguồn vốn dài hạn. Bên cạnh đó, môn học cung cấp các kiến thức về chính sách phân phối lợi nhuận như chính sách ổn định cổ tức và chính sách thặng dư cổ tức để phân phối cổ tức để mang lại hiệu quả cao nhất cho công ty.

13.35 Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp

Mã môn học: 004870

TC: 4

Học phần Tổ chức công tác kế toán cung cấp cho sinh viên quy trình tổ chức công tác kế toán theo giai đoạn, theo phần hành kế toán, tổ chức bộ máy kế toán giúp sinh viên có khả năng tổ chức hệ thống kế toán tại cơ sở: Tổ chức hình thức ghi sổ, lập báo cáo, phân công công việc trong bộ máy kế toán, thực hành kê khai thuế TNDN trên phần mềm HTKKT.

13.36 Kiểm toán nội bộ

Mã môn học: 004865

TC: 3

Học phần Kiểm toán nội bộ trang bị cho người học các khái niệm cơ bản về kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, từ đó tổ chức kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này còn tìm hiểu các lĩnh vực của kiểm toán nội bộ.

13.37 Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính

Mã môn học: 004692

TC: 3

Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập, đọc, trình bày báo cáo tài chính, từ đó phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, tổ chức, nhằm cung cấp

những thông tin cần thiết giúp các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá khách quan về sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, khả năng sinh lời và triển vọng phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

13.38 Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán

Mã môn học: 004681

TC: 3

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu khoa học cơ bản về nội dung thuộc lĩnh vực kế toán của ngành kế toán, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về nội dung công tác hạch toán kế toán tài chính trong doanh nghiệp; nắm bắt được thực tế trong chuyên ngành kế toán, sinh viên có thể thực hiện tại một đơn vị cụ thể hoặc trong một dự án triển khai cụ thể trong chuyên ngành Kế toán. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải chọn một chủ đề thuộc lĩnh vực kế toán tài chính và kiểm toán, từ đó hình thành cách giải quyết chủ đề đó một cách khoa học, biết tổng hợp những vấn đề lý luận đã học theo chủ đề cụ thể đồng thời biết phân tích và đưa ra những quan điểm riêng về vấn đề đã lựa chọn. Giảng viên có trách nhiệm hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát quá trình nghiên cứu và viết Đề án.

13.39 Luật kinh tế

Mã môn học: 001506

TC: 2

Nội dung môn học Luật kinh tế được biên soạn theo chương trình khung dành cho hệ đại học, cao đẳng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo tính liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Bao gồm những nội dung cơ bản sau đây: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hoạt động kinh doanh; Chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh; Hợp đồng trong hoạt động kinh doanh; Phương thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh; Giải thể; Phá sản Doanh nghiệp và Hợp tác xã làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu môn học khác; Phổ biến những quy định của pháp luật thực định trong một số lĩnh vực như: Luật đầu tư; Luật doanh nghiệp; Luật thương mại; Luật bảo vệ người tiêu dùng; Pháp luật thuế.

13.40 Kiểm toán hoạt động

Mã môn học: 004301

TC: 2

Học phần Kiểm toán hoạt động cung cấp cái nhìn tổng quan về loại hình kiểm toán hoạt động; làm quen với các thủ tục, quy trình, công cụ cần thiết để tiến hành kiểm toán các hoạt động chủ yếu trong 1 tổ chức (nhà nước/tư nhân).

13.41 Tài chính cá nhân ứng dụng

Mã môn học: 004698

TC: 3

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Tài chính cá nhân như tầm quan trọng của hoạch định TCCN, các công cụ hoạch định TCCN, nhận ra tình hình tài chính của bản thân và quản lý được dòng tiền thu, chi, quản lý nợ một cách hợp lý. Môn học cung cấp các kỹ năng cần thiết để cá nhân đưa ra các quyết định đầu tư trong ngắn hạn và dài hạn, hiểu và kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn, tự do tài chính trong tương lai.

13.42 Quản lý nhân lực

Mã môn học: 002176

TC: 2

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, thách thức và các hoạt động của quản lý nguồn nhân lực ví dụ như hoạch định nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, tuyển dụng và lựa chọn nhân lực quan hệ lao động và cách

quản lý xung đột trong tổ chức... Người học có thể lên kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng thiết kế hệ thống thông tin nguồn nhân lực, ứng dụng của hệ thống thông tin nguồn nhân lực trong quản lý nguồn nhân lực

13.43 Khởi sự kinh doanh

Mã môn học: 004722

TC: 3

Môn học cung cấp cho người học những vấn đề cốt yếu cho việc khởi sự kinh doanh ví dụ như kế sách, công nghệ, marketing, tài chính, ... Người học có thể tự lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, triển khai nội dung chi tiết và thực hành lập kế hoạch khởi sự kinh doanh.

13.44 Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp

Mã môn học: 004835. TC: 4

Học phần cung cấp những khái niệm về hệ thống thông tin nhằm mục đích quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các hệ thống cụ thể sẽ được phân tích và giới thiệu để sinh viên có thể biết và sử dụng trong công tác điều hành các bộ phận công tác, ví dụ như hệ thống thông tin nhân lực, hệ thống thông tin quản lý sản xuất, ...

13.45 Kiểm toán tài chính 1

Mã môn học: 001157

TC: 3

Học phần Kiểm toán tài chính 1 là học phần chuyên ngành của ngành Kiểm toán, cung cấp cho người học những kiến thức về quy trình, thủ tục kiểm toán báo cáo tài chính một cách tổng quan. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về đánh giá sai sót trọng yếu, các thủ tục kiểm soát tại doanh nghiệp và thủ tục kiểm toán trong kiểm toán các khoản mục tiền, hàng tồn kho, nợ phải thu và tài sản cố định trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp cách nhìn theo hướng rủi ro cho người thực hiện kiểm toán. Từ đó, người học có cái nhìn tổng quát, nhất quán về chuẩn mực kế toán được sử dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính; rèn thái độ thận trọng, hoài nghi nghề nghiệp và hướng tới tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp.

13.46 Kiểm toán tài chính 2

Mã môn học: 001158

TC: 3

Học phần Kiểm toán tài chính 2 là học phần chuyên ngành của ngành Kiểm toán, cung cấp cho người học những kiến thức về quy trình, thủ tục kiểm toán báo cáo tài chính; có kiến thức và kỹ năng về đánh giá sai sót trọng yếu, các thủ tục kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp và thủ tục kiểm toán trong kiểm toán các khoản mục nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và báo cáo kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Các nội dung kiểm soát chất lượng, dịch vụ soát xét và bảo đảm khác và các công việc khi kết thúc và lập báo cáo kiểm toán được cung cấp để người học có được cái nhìn toàn diện về công việc và dịch vụ do công ty kiểm toán cung cấp. Từ đó, người học có cái nhìn tổng quát, nhất quán về kiểm toán báo cáo tài chính; rèn thái độ thận trọng, có được thái độ hoài nghi nghề nghiệp và hướng tới tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp.

13.47 Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức

Mã môn học: 004687

TC: 3

Học phần Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro là học phần chuyên ngành của ngành Kiểm toán và chuyên ngành Kế toán và kiểm soát. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp gồm khung kiểm soát nội bộ theo COSO,

những vấn đề gian lận trong tổ chức và nghiên cứu về gian lận. Kiểm soát những chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp được mô tả chi tiết, giúp người học hiểu về chu trình và quy trình, thủ tục kiểm soát. Đồng thời, học phần trang bị về nhận thức rủi ro một cách hệ thống, cách thức quản trị rủi ro cũng như mối liên hệ giữa quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ trong tổ chức. Học phần cung cấp có kỹ năng phát hiện các gian lận, nhận diện rủi ro trong các chu trình kinh doanh chủ yếu và đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu rủi ro trong doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có được tính độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm và tinh thần tích cực, định hướng mục tiêu trong việc thực hiện các công việc được giao trong tổ chức.

13.48 Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt

Mã môn học: 004863 TC: 4

Học phần này trang bị cho sinh viên những nội dung về đặc thù kinh doanh, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán trong các loại hình doanh nghiệp: Kế toán doanh nghiệp thương mại, kinh doanh xuất nhập khẩu, kế toán du lịch, kế toán dịch vụ vận tải và kế toán xây lắp, kế toán trong ngành điện. Học phần giúp sinh viên mở rộng kiến thức, thực hiện được công việc kế toán trong nhiều loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế.

13.49 Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính.

Mã môn học: 004303 TC: 4

Thực hành kiểm toán Báo cáo tài chính giúp sinh viên nắm được quy trình cụ thể thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, hiểu được thực tế công việc kiểm toán độc lập và vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học vào nội dung thực tế. Sinh viên hoàn thành bài thực hành trên máy tính (phần mềm excel, bộ hồ sơ kiểm toán mẫu) và có ý thức tuân thủ các nguyên tắc kiểm toán và luôn cẩn trọng trong quá trình thực hành kiểm toán.

13.50 Thực tập tốt nghiệp ngành kiểm toán Mã môn học: 004574 TC: 4

Sinh viên được đi thực tập, tìm hiểu công việc thực tế tại các công ty kiểm toán, phòng kiểm toán nội bộ của các doanh nghiệp. Mỗi sinh viên sẽ có 01 giảng viên hướng dẫn tại trường. Giáo viên hướng dẫn là người hướng dẫn và giám sát sinh viên trong việc chấp hành các quy định của nhà trường về thực tập cũng như tính chất khoa học của báo cáo tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn chấp thuận báo cáo, phê duyệt đề cương và giải thích cho sinh viên về các thắc mắc dưới góc độ học thuật, đánh giá báo cáo và kết quả thực tập của sinh viên theo các tiêu chuẩn chung của nhà trường. Kỳ thực tập kéo dài 2 tháng. Cuối thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo về quá trình thực tập của mình.

13.51 Khoá luận tốt nghiệp Mã môn học: 004593 TC: 7

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức chuyên ngành kiểm toán đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.

13.52 Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)**Mã môn học: 004733. TC:2**

Học phần giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về các loại giấy tờ giao dịch chính trong hoạt động kinh doanh cũng như cách chúng được ghi nhận trong hệ thống kế toán đến bảng cân đối thử.

13.53 Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1- Diploma)**Mã môn học: 004734 TC: 2**

Học phần cung cấp kiến thức và hiểu biết về việc quản lý thông tin trong tổ chức nhằm hỗ trợ nhà quản lý trong việc lập kế hoạch và ra quyết định

13.54 Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)**Mã môn học: 004735. TC: 2**

Đây là một học phần trong chương trình học của chứng chỉ quốc tế FIA (Foundation in Accountancy) do Hội kế toán công chứng Anh (ACCA) cấp với tài liệu học và thi bằng Tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc và khái niệm cơ bản liên quan đến việc duy trì hồ sơ tài chính và thành thạo kỹ thuật trong việc sử dụng các kỹ thuật kế toán bút toán kép bao gồm cả việc lập báo cáo tài chính cơ bản. Hoàn thành xong học phần này, sinh viên có thể đăng ký thi theo lộ trình học và thi của chứng chỉ FIA – ACCA Diploma.

13.55 Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma)**Mã môn học: 004737 TC: 3**

Học phần này giới thiệu cho người đọc những cách khác nhau để quản lý tài chính trong một tổ chức nhằm mục đích nâng cao hiệu quả kinh doanh. Học phần cung cấp các kiến thức về lập kế hoạch, kiểm soát dòng tiền trong ngắn hạn và dài hạn, cách quản lý các quyết định đầu tư vốn và quản lý tín dụng thương mại. Ngoài ra, học phần còn ứng dụng công nghệ số phù hợp trong hoạt động đầu tư, quản lý dòng tiền, theo dõi công nợ phải thu, quản lý số dư tiền mặt tại doanh nghiệp.

13.56 Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)**Mã môn học: 004697 TC: 3**

Học phần Quản lý chi phí và tài chính là một học phần trong chương trình học của chứng chỉ quốc tế FIA (Foundation in Accountancy) do Hội kế toán công chứng Anh (ACCA) cấp với tài liệu học và thi bằng Tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc và kỹ thuật được sử dụng trong việc ghi chép, phân tích và báo cáo chi phí & doanh thu cho quản trị nội bộ, bao gồm thông tin phục vụ cho công tác quản trị, ghi chép chi phí, kỹ thuật tính toán chi phí, ra quyết định và quản lý tiền mặt. Hoàn thành xong học phần này, sinh viên có thể đăng ký thi theo lộ trình học và thi của chứng chỉ FIA.

13.57 Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma)**Mã môn học: 001048 TC: 3**

Học phần Kế toán quản trị chuyên sâu trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng và công cụ tiên tiến trong lĩnh vực kế toán quản trị để phục vụ cho công tác

kiểm soát và ra quyết định quản trị cũng như có khả năng thiết kế hệ thống thông tin kế toán quản trị phù hợp cho tổ chức.

13.58 Kỹ năng quản lý và lãnh đạo Mã môn học: 004691 TC: 3

Học phần kỹ năng quản lý và lãnh đạo cung cấp kiến thức về nền tảng kinh doanh của doanh nghiệp, kiến thức về quản lý và kỹ năng cần thiết; làm việc nhóm hiệu quả; lãnh đạo và tạo động lực trong công việc; và giải quyết vấn đề và ra quyết định.

13.59 Kiến tập hệ kiểm toán Mã môn học: 004739 TC: 3

Kiến tập hệ về Kiểm toán là học phần tự chọn, thuộc chuyên ngành kiểm toán, áp dụng đối với các em sinh viên năm thứ 3 hệ đào tạo cử nhân kiểm toán. Học phần giúp sinh viên hòa nhập, hiểu rõ các hoạt động, nghiệp vụ trong các doanh nghiệp có liên quan đến công tác Kiểm toán. Giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức, kỹ năng được học vào quá trình làm kiểm toán.

Tạo điều kiện để sinh viên nhận thức rõ về nghề nghiệp, lĩnh vực công tác sau khi tốt nghiệp; củng cố các kiến thức, kỹ năng cần thiết đối với công việc của nghề Kiểm toán. Giúp sinh viên nhận biết, phát hiện những thiếu sót về kiến thức, kỹ năng của bản thân để tiếp tục tích lũy, hoàn thiện, phát huy trong các kỳ học tiếp theo tại trường. Đây là hoạt động để sinh viên tích lũy kinh nghiệm, chuẩn bị cho thực hiện học phần tốt nghiệp đạt hiệu quả cao nhất.

14. Điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế và Quản lý bao gồm 3 bộ môn: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Kế toán và Quản trị du lịch. Hiện khoa có tổng số 60 cán bộ, giảng viên và chuyên gia, trong đó có 07 Phó giáo sư và 19 Tiến sĩ (tỷ lệ 43%), 31 thạc sĩ (57%). Chương trình đào tạo ngành Kế toán có 13 giảng viên cơ hữu.

14.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo/có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (Bảng 01)

Bảng 01: Đội ngũ giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo/có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, CSGD, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng cao nhất	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Nguyễn Tô Tâm, 08/12/1978	025178000144, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế/ Kế toán - Kiểm toán	01/11/2008		0103020232	21	2	2
2	Phùng Thị Đoan, 15/10/1950	0104180009, Việt Nam		Tiến sĩ, Nga, 1988	Kinh tế/ Kế toán	01/12/2017	x		25		
3	Nguyễn Thế Phán, 25/04/1955	025055001156, Việt Nam	Phó giáo sư, 2009	Tiến sĩ, Việt Nam, 1992	Kinh tế	20/09/2022	x .		25		
4	Nguyễn Ngọc Hiền, 18/12/1985	013451529, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kế toán	01/01/2011		0108044433	12		
5	Nguyễn Thị Bích Đào, 03/01/1955	038155005291, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	Kinh tế	24/05/2022	x		30		

14.2. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 02: Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nguyễn Tô Tâm	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	004303	HK1, năm 4	x		Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
		Kiểm toán nội bộ	004865	HK1, năm 3	x		
		Kiểm soát quản lý	004864	HK1, năm 4			
2	Phùng Thị Đoan	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	HK2, năm 2	x		Phát triển CTĐT
		Khoá luận tốt nghiệp	004592	HK2, năm 4	x		
3	Nguyễn Thế Phán	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	HK2, năm 2	x		Phát triển CTĐT
		Khoá luận tốt nghiệp	004592	HK2, năm 4	x		
4	Nguyễn Ngọc Hiền	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, năm 2	x		Chủ trì giảng dạy CTĐT
		Kế toán doanh nghiệp	001023	HK2, năm 2			
5	Nguyễn Thị Bích Đào	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	HK2, năm 2	x		Phát triển CTĐT
		Khoá luận tốt nghiệp	004592	HK2, năm 4	x		
6	Trần Thị Lâm	Triết học Mác Lênin	003923	HK1, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
		Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	HK1, năm 2	x		
7	Đoàn Nam Chung	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	HK2, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	HK2, năm 2	x		
8	Lê Thị Hồng Hạnh	Chủ nghĩa xã hội khoa học	003926	HK1, năm 2	x		Thực hiện CTĐT
9	Đoàn Thị Lệ Huyền	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	HK1, năm 3	x		Thực hiện CTĐT
10	Lê Thị Bích Hằng	Tiếng Anh 1	003137	HK2, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
		Tiếng Anh 2	003144	HK1, năm 2	x		
11	Vũ Thị Sinh	Tiếng Anh 1	003137	HK2, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
		Tiếng Anh 2	003144	HK1, năm 2	x		
12	Trần Thanh Hoài	Giáo dục thể chất	000801	HK2, năm 1	x		Thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
13	Hoàng Thị Thùy Trang	Giáo dục thể chất	000801	HK2, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
14	Cao Mạnh Cường	Giáo dục quốc phòng	000785	HK2, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
15	Bùi Châu Giang	Giáo dục quốc phòng	000785	HK2, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
16	Nguyễn Văn Phú	Toán cao cấp 2	004546	HK1, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
17	Phạm Trí Nguyễn	Toán cao cấp 2	004546	HK1, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
18	Nguyễn Như Quân	Xác suất thống kê	003657	HK1, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
19	Trần Văn Hải	Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	HK1, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
20	Ngô Thị Tuyết Thanh	Pháp luật đại cương	002018	HK1, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
21	Mai Đức Thuận	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	HK2, năm 2	x		Thực hiện CTĐT
22	Trần Xuân Giao	Quản trị học	002244	HK2, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
		Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	HK2, năm 3	x		
23	Cao Thị Phương Thủy	Kinh tế vi mô	001216	HK1, năm 1	x		Thực hiện CTĐT
		Quản trị học	002244	HK2, năm 1	x		
24	Trương Thị Thu Hường	Kinh tế vĩ mô	001223	HK1, năm 2	x		Thực hiện CTĐT
25	Nguyễn Hồng Nhung	Tài chính-tiền tệ	002354	HK1, năm 2	x		Thực hiện CTĐT
		Tài chính doanh nghiệp	002338	HK1, năm 3	x		
26	Nguyễn Ngọc Thía	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	HK1, năm 2	x		Thực hiện CTĐT
27	Lê Anh Tuấn	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	HK1, năm 2		x	Thực hiện CTĐT
28	Đinh Thị Lan	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, năm 2	x		Thực hiện CTĐT
		Kế toán doanh nghiệp	001023	HK2, năm 2	x		
		Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	HK2, năm 3	x		
		Chuyên đề kế toán hợp nhất	000181	HK1, năm 3		x	
29	Phạm Quốc Huân	Quản lý tài chính	002208	HK2, năm 2	x		Thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
30	Ngô Thành Nam	Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	004764	HK1, năm 2		x	Thực hiện CTĐT
		Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	HK2, năm 3	x		
		Phân tích kinh doanh					
31	Nguyễn Thị Kiều Trang	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	004686	HK1, năm 4	x		Thực hiện CTĐT
		Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán	003216	HK2, năm 2	x		
		Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	HK2, năm 3	x		
		Khoá luận tốt nghiệp	004593	HK2, năm 4	x		
		Thực tập tốt nghiệp	004574	HK2, năm 4	x		
32	Bùi Nhất Giang	Kế toán quản trị và chi phí	001051	HK1, năm 3	x		Thực hiện CTĐT
		Thuế và thực hành	004868	HK1, năm 3	x		
		Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	004689	HK2, năm 2	x		
33	Đinh Thị Minh Tâm	Phân tích kinh doanh	004695	HK2, năm 3	x		Thực hiện CTĐT
34	Nguyễn Quỳnh Anh	Phân tích kinh doanh	004695	HK2, năm 3	x		Thực hiện CTĐT
		Tài chính doanh nghiệp	002338	HK1, năm 3	x		
35	Nguyễn Đức Quang	Kiểm toán nội bộ	004865	HK1, năm 3	x		Thực hiện CTĐT
		Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	HK2, năm 2	x		
		Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	004863	HK1, năm 4	x		
		Khoá luận tốt nghiệp	004593	HK2, năm 4	x		
		Thực tập tốt nghiệp	004574	HK2, năm 4	x		
36	Nguyễn Thế Mừng	Luật kinh tế	001506	HK1, năm 3		x	Thực hiện CTĐT
36	Ngô Thị Thúy Ngân	Kiểm toán tài chính 1	001157	HK1, năm 3	x		Thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Kiểm toán tài chính 2	001158	HK2, năm 3	x		
		Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	HK1, năm 4	x		
		Khoá luận tốt nghiệp	004593	HK2, năm 4	x		
		Thực tập tốt nghiệp	004574	HK2, năm 4	x		
37	Lê Thị Mai Hương	Tài chính cá nhân ứng dụng	004698	HK1, năm 3		x	Thực hiện CTĐT
38	Nguyễn Thị Vân Anh	Quản lý nguồn nhân lực	002168	HK1, năm 3		x	Thực hiện CTĐT
		Khởi sự kinh doanh	004722	HK1, năm 3		x	
39	Phạm Thị Mai Quyên	Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	004835	HK1, năm 3		x	Thực hiện CTĐT
40	Nguyễn Thị Kim Chi	Thuế và thực hành	004868	HK1, năm 3	x		Thực hiện CTĐT
		Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	HK2, năm 3	x		
41	Vũ Thị Hường	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	004863	HK1, năm 4	x		Thực hiện CTĐT
42	Ngô Thị Hiên	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, năm 2	x		Thực hiện CTĐT
		Kế toán doanh nghiệp	001023	HK2, năm 2	x		
43	Trần Thu Huyền	Thuế và thực hành	004868	HK1, năm 3	x		Thực hiện CTĐT
		Kế toán quản trị và chi phí	001051	HK1, năm 3	x		

14.3. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

14.3.1. Hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo:

- Phần mềm Hệ thống quản lý giáo dục (PMT-EMS education) dùng chung trong toàn trường hỗ trợ công tác đào tạo (thời khóa biểu, đăng ký môn học, điểm, quản lý chương trình đào tạo); công tác sinh viên (quản lý sinh viên, cổng thông tin sinh viên, khảo sát đánh giá sinh viên); công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (tổ chức thi, chấm công giờ dạy).

- Phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm phục vụ tổ chức thi kết thúc học phần.

- Cổng thông tin tuyển sinh tuyensinh.epu.edu.vn phục vụ cập nhật thông tin tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh online trích xuất ra thông tin đăng ký tuyển sinh của thí sinh. - Cổng thông tin điện tử epu.edu.vn đưa thông tin tuyển sinh, thông báo để phục vụ công tác tuyển sinh của nhà trường.

14.3.2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Hội trường + giảng đường + phòng học đa phương tiện	131	17,602	Máy chiếu	61	Dùng chung cho tất cả các học phần/môn học của tất cả các Khoa trong trường
				Màn hình TV + màn led	41	
				Thiết bị âm thanh (máy trợ giảng, amply + micro + loa)	57	
				Camera giám sát	75	
				Điều hòa không khí	269	
2	Phòng học máy tính	6	939	Máy chiếu	6	
				Máy chủ	10	
				Máy tính để bàn + xách tay	306	

14.3.3. Danh sách các trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành và thực tập

Hiện tại, Sinh viên và Giảng viên của Khoa Kinh tế và Quản lý sử dụng các thiết bị được Nhà trường trang bị dùng chung tại các phòng thực hành.

Danh mục trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập						Ngành nghề kinh doanh	Tên học phần/môn học	Số người học/1 học kỳ	Thời gian thực hành /thực tập theo CTĐT
TT	Tên trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập	Địa điểm	Người đại diện	Số hợp đồng (hoặc Số MoU)	Thời gian ký kết hợp đồng (hoặc thời gian ký MoU)				
1	Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế Unistars	Biệt thự G22, làng Quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, TP Hà Nội	Ông Đoàn Tiến Hưng	006/HĐĐT-UNI	31/8/2022	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế; dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	Không giới hạn số lượng	Năm thứ 4, học kỳ 1 (4 tuần)
2	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)	Phòng 304, Tòa nhà Dự án, số 4, ngõ 1 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;	Ông Trần Khánh Lâm		T10/2018	Tư vấn, đào tạo trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	Không giới hạn số lượng	Năm thứ 4, học kỳ 1 (4 tuần)

14.3.4. Thư viện

- Diện tích sàn sử dụng cho Thư viện: 1.176m²
- Số chỗ ngồi: 200
- Số máy tính phục vụ tra cứu: 3
- Phần mềm quản lý: Libol 8.0
- Thư viện điện tử, thư viện số liên kết: <http://epu.tailieu.vn/>; <http://db.vista.gov.vn/>
- Số lượng sách: 42.848 cuốn

14.3.5. Danh mục giáo trình dùng trong chương trình đào tạo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Triết học Mác Lênin	003923	Học kỳ 1, năm 1
2	Toán học Cao Cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục	251	Toán cao cấp 2	004546	Học kỳ 1, năm 1
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2008	55	Xác suất thống kê	003657	Học kỳ 1, năm 1
4	Giáo trình ứng dụng CNTT cơ bản	Trung tâm tin học, Đại học Khoa học Tự Nhiên	NXB ĐHQG TP HCM, 2022		Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	Học kỳ 1, năm 1
5	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2022	5	Pháp luật đại cương	002018	Học kỳ 1, năm 1
6	Giáo trình Kinh tế học, tập 1	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018	1	Kinh tế vi mô	001216	Học kỳ 1, năm 1
7	Bài tập kinh tế học vi mô	Vũ Kim Dũng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013		Kinh tế vi mô	001216	Học kỳ 1, năm 1
8	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	Học kỳ 2, năm 1
9	Empower (second edition), B1-Student's book	Adrian Doff & Craig Thaine	Cambridge University Press. 2022	1	Tiếng Anh 1	003137	Học kỳ 2, năm 1
10	Energy and the Environment	James A. Fay, Dan S. Golomb	Oxford University Press, 2002		Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	Học kỳ 2, năm 1
11	Quản trị học	Nguyễn Thị Thanh Dân	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội. 2021	1	Quản trị học	002244	Học kỳ 2, năm 1
12	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	Học kỳ 1, năm 2

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
	hệ không chuyên lý luận chính trị)						
13	Empower (second edition), B1-Student's book	Adrian Doff & Craig Thaine	Cambridge University Press. 2022	1	Tiếng Anh 2	003144	Học kỳ 1, năm 2
14	Giáo trình Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Ái Đoàn	NXB Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, 2010	1	Kinh tế vĩ mô	001223	Học kỳ 1, năm 2
15	Kinh tế học về Tiền, Ngân hàng và Thị trường Tài chính	Frederic S. Mishkin	Nhà xuất bản Tài chính, 2021		Tài chính-tiền tệ	002354	Học kỳ 1, năm 2
16	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. 2017	12	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Học kỳ 1, năm 2
17	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tổ Tâm (chủ biên), Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Đức Quang, Ngô Thị Thúy Ngân; Đinh Thị Lan	NXB Nhà xuất bản giáo dục, 2018	1	Nguyên lý kế toán	001838	Học kỳ 1, năm 2
18	Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tổ Tâm (chủ biên), Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Đức Quang, Ngô Thị Thúy Ngân; Đinh Thị Lan	NXB Nhà xuất bản giáo dục, 2018	1	Nguyên lý kế toán	001838	Học kỳ 1, năm 2
19	Foundations in Accountancy/ ACCA, Accountant in Business (FAB/AB), Interactive text	ACCA	BPP Learning Media, 2019	1	Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	004764	Học kỳ 1, năm 2
20	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	Học kỳ 2, năm 2

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
21	Tài Chính Doanh Nghiệp	Stephen A. Ross	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2020	1	Quản lý tài chính	002208	Học kỳ 2, năm 2
22	Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp	Trương Thị Thuỷ	NXB Tài chính, 2019	1	Kế toán doanh nghiệp	001023	Học kỳ 2, năm 2
23	Professional English In Use	Ian MacKenzie	NXB Cambridge University Press, 2008	2	Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán	003216	Học kỳ 2, năm 2
24	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	Học kỳ 2, năm 2
25	FIA – MA2. Managing costs and finances Interactive text	ACCA	BPP Learning Media, 2013	1	Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	004697	Học kỳ 2, năm 2
26	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2021	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	Học kỳ 1, năm 3
27	Giáo trình Kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021	1	Kế toán quản trị và chi phí	001051	Học kỳ 1, năm 3
28	Kế toán thuế trong doanh nghiệp và kỹ năng quyết toán thuế	Vũ Thị Kim Anh, Hà Thị Thúy Vân, Trần Mạnh Dũng	Nhà xuất bản tài chính, 2021	1	Thuế và thực hành	004868	Học kỳ 1, năm 3
29	Tài Chính Doanh Nghiệp	Stephen A. Ross	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2019	1	Tài chính doanh nghiệp	002338	Học kỳ 1, năm 3
30	Giáo trình Luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2016		Luật kinh tế	001506	Học kỳ 1, năm 3
31	Kiểm toán	Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	NXB Lao động, 2021	1	Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	004689	Học kỳ 2, năm 3
32	Sổ tay Bộ quy tắc Đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp	IESBA	NXB Tài chính, 2021	1	Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	004689	Học kỳ 2, năm 3

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
33	FAU-Foundations in audit	ACCA	BPP Learning Media, 2015	1	Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	004689	Học kỳ 2, năm 3
34	Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Hữu Ánh, Trần Trung Tuấn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	1	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	Học kỳ 2, năm 3
35	Giáo trình tin học ứng dụng	Trần Thị Song Minh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018	1	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	Học kỳ 2, năm 3
36	ACCA Approved Study Text Study Text for exams from 1 September 2015 to 31 August 2016 Paper P3 Business Analysis ACCA APPROVED Content Provider	ACCA	BPP Learning Media, 2015	1	Phân tích kinh doanh	'00469 5	Học kỳ 2, năm 3
37	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tổ Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	Học kỳ 2, năm 3
38	Kế toán thuế trong doanh nghiệp và kỹ năng quyết toán thuế	Vũ Thị Kim Anh, Hà Thị Thúy Vân, Trần Mạnh Dũng	Nhà xuất bản tài chính, 2021	1	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	Học kỳ 2, năm 3
39	Giáo trình Kế toán thương mại dịch vụ	Vũ Thị Kim Anh	NXB Tài chính, 2020	1	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	'00486 3	Học kỳ 2, năm 3
40	Giáo trình Kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021	1	Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma)	001048	Học kỳ 2, năm 3
41	ACCA Management Accounting (FMA/MA) ACCA Approved Interactive text	ACCA	BPP Learning System, 2019	1	Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma)	001048	Học kỳ 2, năm 3

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
42	ACCA Financial Accounting (FFA/FA) ACCA Approved Interactive text	ACCA	BPP Learning Media, 2018	1	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	004686	Học kỳ 1, năm 4
43	Lập, đọc, phân tích và kiểm tra báo cáo tài chính	Trần Mạnh Dũng	NXB Tài chính, 2019	1	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	Học kỳ 1, năm 4
44	Giáo trình Kiểm soát quản lý	Nguyễn Thị Phương Hoa	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009	1	Kiểm soát quản lý	004864	Học kỳ 1, năm 4
45	Kiểm soát nội bộ	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	NXB Lao động, 2021	1	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	Học kỳ 1, năm 4
46	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động-Xã hội, 2009	1	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	Học kỳ 1, năm 4
47	Chương trình kiểm toán mẫu kiểm toán báo cáo tài chính Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Hồng Đức, 2017	1	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	004863	Học kỳ 1, năm 4
48	Chương trình kiểm toán mẫu kiểm toán báo cáo tài chính Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Hồng Đức, 2017	1	Thực tập tốt nghiệp ngành kiểm toán	004574	Học kỳ 2, năm 4
49	Chương trình kiểm toán mẫu kiểm toán báo cáo tài chính Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Hồng Đức, 2017	1	Khoá luận tốt nghiệp ngành kiểm toán	004593	Học kỳ 2, năm 4
50	ACCA Financial Accounting (FFA/FA) ACCA Approved Interactive Text	ACCA	BPP Learning Media, 2018	1	Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	004733	Học kỳ 1, năm 2

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
51	Foundations in Accountancy/ ACCA Management Accounting(FMA/MA), Interactive	ACCA	BPP Learning Media, 2019	1	Quản lý chi phí thông tin trong tổ chức (MA1 - ACCA Diploma)	004734	Học kỳ 2, năm 2
52	FA2 – Maintaining Financial Records, Interactive text	ACCA	BPP Learning Media, 2015	1	Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)	004735	Học kỳ 2, năm 2
53	ACCA Approved Study Text For exams in September 2016, December 2016, March 2017 and June 2017 Paper F9 Financial Management ACCA APPROVED Content Provider	ACCA	BPP Learning Media, 2016	1	Cơ sở quản lý tài chính	004737	Học kỳ 2, năm 3
54	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	Nguyễn Văn Hùng và cộng sự	NXB Tài chính, 2022	1	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	Học kỳ 2, năm 2
55	Chương trình kiểm toán mẫu kiểm toán báo cáo tài chính Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Hồng Đức, 2017	1	Kiến tập hệ về kế toán	004739	Học kỳ 2, năm 3
56	Giáo trình Kiểm toán nội bộ	Phan Trung Kiên	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022	1	Kiểm toán nội bộ	001150	Học kỳ 1, năm 3
57	Giáo trình đại cương về kế toán tập đoàn	PGS.TS Ngô Thu Hồng, TS Bùi Thu Hương	Nhà xuất bản tài chính, 2021	1	Chuyên đề kế toán hợp nhất	000181	
58	Giáo trình Kiểm toán hoạt động	Nguyễn Quang Quynh	NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân, 2009	1	Kiểm toán hoạt động	004690	
59	Kiểm toán	Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	NXB Lao động, 2021	1	Kiểm toán tài chính 1	001157	Học kỳ 1, năm 3

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
60	Kiểm toán	Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	NXB Lao động, 2021	1	Kiểm toán tài chính 2	001158	Học kỳ 2, năm 3
61	Đường vào lập trình python	Nguyễn Ngọc Giang	NXB ĐHQGHN, 2022	1	Lập trình Python	003881	
62	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	Lê Anh Tuấn và Cộng sự	NXB Giáo dục Việt Nam, 2012	1	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	Học kỳ 2, Năm 2
63	Tài chính cá nhân dành cho người Việt Nam, Tái bản lần thứ 4	Lâm Minh Chánh	NXB Văn hoá Văn nghệ TPHCM., 2020	1	Tài Chính Cá Nhân Ứng Dụng	004698	Học kỳ 2, Năm 2
64	Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012	1	Quản lý nguồn nhân lực	002168	
65	Giáo trình khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga	ĐH Kinh tế quốc dân, 2020	1	Khởi sự kinh doanh	004722	

14.2.6. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

ST T	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
1	Giáo trình quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nhà xuất bản tài chính., 2013	3	Quản trị học	002244	Học kỳ 2, Năm 1
2	Bài giảng Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2013	2	Kinh tế vĩ mô	001223	Học kỳ 1, Năm 2
3	Giáo trình lý thuyết Tài chính tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2012	30	Tài chính tiền tệ	002354	Học kỳ 1, Năm 2
4	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Nguyễn Hữu Ánh, Phạm Đức Cường	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2021	1	Nguyên lý kế toán	001838	Học kỳ 1, Năm 2

ST T	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
5	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	NXB Tài chính., 2013	3	Quản lý tài chính	002208	Học kỳ 2, Năm 2
6	Câu hỏi và bài tập tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	NXB Tài chính., 2009	5	Quản lý tài chính	002208	Học kỳ 2, Năm 2
7	Foundation in Accountancy/ ACCA, Accountant in Business (FAB/AB), Practice & Revision Kit	ACCA	BPP Learning Media, 2019	1	Kinh doanh và công nghệ	004764	Học kỳ 2, Năm 2
8	Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp	Đoàn Xuân Tiên	Nhà xuất bản Tài Chính, 2007	5	Kế toán quản trị và chi phí	001051	Học kỳ 1, năm 3
9	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011	1	Phân tích kinh doanh	004695	Học kỳ 2, Năm 3
10	Giáo trình kế toán tài chính quyển 1	Nguyễn Xuân Hưng	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1	Kế toán doanh nghiệp	001023	Học kỳ 2, Năm 2
11	Giáo trình kế toán tài chính quyển 2	Nguyễn Kim Cúc	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1	Kế toán doanh nghiệp	001023	Học kỳ 2, Năm 2
12	Giáo trình kế toán tài chính quyển 3	Đặng Ngọc Vàng	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1	Kế toán doanh nghiệp	001023	Học kỳ 2, Năm 2
13	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam 2008 hướng dẫn mới nhất thực hiện 26 chuẩn mực kế toán	Bộ tài chính	Lao động xã hội, 2008	1	Kế toán doanh nghiệp	001023	Học kỳ 2, Năm 2
14	Fundamentals of Business, 3rd edition	Skripak Stephen	Pamplin College of Business in association with Virginia Tech Publisher, 2020		Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	
15	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	Lưu Đan Thọ	Nhà xuất bản lao động tài chính, 2016	1	Khởi sự kinh doanh	004722	
16	Giáo trình Quy hoạch tuyến tính tối ưu hóa.	Bùi Phúc Trung và Cộng sự (2023).	NXB Lao động xã hội, 2023		Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	

ST T	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
17	Phân Tích Dữ Liệu Nghiên Cứu Với SPSS - Tập 1 và 2	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB Hồng Đức, 2013		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	001852	Học kỳ 1, Năm 2
18	Quản trị nguồn nhân lực – Lý luận và tình huống thực tiễn (Sách chuyên khảo)	Lưu Thị Minh Ngọc, Tạ Huy Hùng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022		Quản lý nguồn nhân lực	002168	
19	Fundamentals of Python Programming	Richard L. Halterman	Southern Adventist University, 2018		Lập trình Python	003882	
20	Python 3 Object Oriented Programming	Dusty Phillips	Packt Publishing Ltd, 2010		Lập trình Python	003883	
21	Programming with C	Bryon gottfried	Mc Graw Hill, 1996		Lập trình Python	003884	
22	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vần	NXB Tài chính, 2013	1	Tài chính doanh nghiệp	002338	Học kỳ 1, năm 3
23	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	VACPA, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Tài chính, 2011	1	Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	004689	Học kỳ 2, năm 3
24	37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Bộ Tài chính	NXB Tài chính, 2013	1	Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	004689	Học kỳ 2, năm 3
25	Paper Governance	ACCA	NXB New York. BPP Learning Media, 2015	1	Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	004689	Học kỳ 2, năm 3
26	Giáo trình hệ thống thông tin kế toán 1	Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán	NXB Đại học Kinh tế, 2015	1	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	Học kỳ 2, năm 3
27	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp	Trương Thị Thủy	NXB Tài chính, 2020	1	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	004863	Học kỳ 2, năm 3
28	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam 2008 hướng dẫn mới nhất thực hiện 26 chuẩn mực kế toán	Bộ Tài chính	NXB Lao động- Xã hội, 2008	2	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	004863	Học kỳ 2, năm 3
29	ACCA Financial Accounting (FFA/FA) ACCA Practice & Revision Kit	ACCA	BPP Learning Media, 2018	1	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	004686	Học kỳ 1, năm 4

ST T	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
30	Giáo trình phân tích tài chính	Đỗ Hồng Nhung	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2021	1	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	Học kỳ 1, năm 4
31	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2014	1	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	Học kỳ 1, năm 4
32	Giáo trình Kiểm soát	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018	1	Kiểm soát quản lý	004864	Học kỳ 1, năm 4
33	Kiểm toán nội bộ	Trịnh Văn Vinh	NXB Tài chính, 2012	1	Kiểm toán nội bộ	004865	Học kỳ 1, năm 3
34	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	VACPA, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Tài chính, 2011	1	Kiểm toán nội bộ	004865	Học kỳ 1, năm 3
35	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam 2008 hướng dẫn mới nhất thực hiện 26 chuẩn mực kế toán	Bộ tài chính	Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2008	1	Chuyên đề kế toán hợp nhất	000181	
36	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	VACPA, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Tài chính, 2011	1	Kiểm toán hoạt động	004690	
37	Kiểm toán nội bộ	Trịnh Văn Vinh	NXB Tài chính, 2012	1	Kiểm toán hoạt động	004690	
38	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	VACPA, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Tài chính, 2011	1	Kiểm toán hoạt động	004690	
39	37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Bộ Tài chính	NXB Tài chính, 2013	1	Kiểm toán hoạt động	004690	
40	Kiểm toán	Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	NXB Kinh tế TP HCM, 2014	1	Kiểm toán tài chính 1	001157	Học kỳ 1, năm 3
41	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	VACPA, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Tài chính, 2011	1	Kiểm toán tài chính 1	001157	Học kỳ 1, năm 3
42	37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính, 2013	1	Kiểm toán tài chính 1	001157	Học kỳ 1, năm 3

ST T	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
43	Kiểm toán	Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	NXB Kinh tế TP HCM, 2014	1	Kiểm toán tài chính 2	001158	Học kỳ 2, năm 3
44	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	VACPA, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Tài chính, 2011	1	Kiểm toán tài chính 2	001158	Học kỳ 2, năm 3
45	37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính, 2013	1	Kiểm toán tài chính 2	001158	Học kỳ 2, năm 3
46	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	VACPA, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Tài chính, 2011	1	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	004863	Học kỳ 1, năm 4
47	ACCA Financial Accounting (FFA/FA) ACCA Practice &Revision Kit	ACCA	BPP Learning Media, 2018	1	Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	004733	Học kỳ 1, năm 2
48	ACCA Management Accounting (FMA/MA) ACCA Practice &Revision Kit	ACCA	BPP Learning Media, 2018	1	Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1- Diploma)	004734	Học kỳ 2, năm 2
49	ACCA Approved Practice & Revision Kit For exams in September 2016, December 2016, March 2017 and June 2017 Paper F9 Financial Management ACCA APPROVED Content Provider	ACCA	BPP Learning Media, 2016	1	Cơ sở quản lý tài chính	004737	Học kỳ 2, năm 3

15. Đối sánh chương trình đào tạo của các trường trong nước và nước ngoài

15.1. Danh sách các chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác được đối sánh làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo:

* Chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác trong nước:

- Học viện tài chính

(<https://hvtc.edu.vn/Portals/1/CTDT%202019/3.%20CN22.pdf>)

- Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

(<https://faa.hau.edu.vn/media/29/uffile-upload-no-title29714.pdf>)

- Đại học Kinh tế quốc dân

(https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT%20K63/30.%20Ngành%20Kiểm%20toán_CTDT%202021.pdf)

* Chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác trên thế giới:

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán của trường Monash Business school/Monash University - Australia

(https://www.monash.edu/_data/assets/pdf_file/0003/2687412/map-b2029-12-May-2022.pdf)

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán của trường Auburn University – US
(https://bulletin.auburn.edu/undergraduate/collegeofbusiness/schoolofaccountancyacct/accountancy_major/)

15.2. So sánh chương trình đào tạo

Chương trình	Tổng TC	Tổng HP	GD ĐC	CSN	CN	Kiến thức chuyên sâu	Chuyên đề thực tập	Kiến thức bổ trợ
Trường Đại học Điện lực	128	41	34	18	65		11	23
Học viện tài chính	129		48	31	52		10	
Trường ĐH Kinh tế quốc dân	132		44	15	63		10	-
Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	143		41	47	40		15	-
Monash Business school/Monash University - Australia	138		0	90	48			
Auburn University - US	123		31	37	55			

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán được xây dựng theo định hướng ứng dụng. Phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học Điện lực và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình được biên soạn đảm bảo sự liên thông với các ngành đào tạo khác. Khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo định hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán có tích hợp các học phần định hướng nghề nghiệp ACCA Diploma, không tích lũy tín chỉ. Các học phần này được xây dựng theo các nội dung hướng dẫn của chứng chỉ kế toán công chứng cơ bản của Hiệp hội kế toán công chứng Anh quốc ACCA. Các học phần được sắp xếp trong các kỳ, đảm bảo tính liên thông và bổ trợ thêm cho các kiến thức, kỹ năng của ngành nghề kế toán – kiểm toán theo chuẩn quốc tế, từ đó giúp sinh viên hội nhập với yêu cầu nghề chuyên nghiệp, mang tính toàn cầu. Các học phần còn tăng cường thêm khả năng đọc – hiểu Tiếng Anh và giúp sinh viên tiếp tục phát triển con đường nghề chuyên nghiệp, tăng cường kỹ năng và thực tế nghề nghiệp ngay trong quá trình học tại Nhà trường.

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn sẽ do Ban Giám hiệu, Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở các đơn vị tín chỉ đã được Hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường Đại học Điện lực phê duyệt, các khoa, bộ môn liên quan thực hiện và bổ sung sửa đổi để cập nhật với chương trình đào tạo ngành Kế toán.

Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Đảm bảo nguyên tắc sinh viên học lại, học cải thiện cùng khóa sau, học vượt học cùng khóa trước.

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được qui định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn; 40 giờ thực tập tại cơ sở; 80 giờ làm khóa luận tốt nghiệp.

Một tiết học được tính bằng 50 phút; 1 giờ là 60 phút

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những đề xuất thay đổi về nội dung kiến thức sẽ đề xuất về đơn vị đầu mối trình Hội đồng khoa học và Phòng Đào tạo xem xét điều chỉnh. Trong từng giai đoạn cụ thể, các khoa chuyên môn đề xuất đơn vị quản lý đào tạo thay đổi các học phần tự chọn sao cho phù hợp với phát triển của khoa học và công nghệ.

17. Tổ chức giảng dạy và học tập

17.1. Trường không chấp nhận các trường hợp cá nhân hoặc đơn vị tự ý đổi thời khóa biểu sau khi đã có danh sách lớp học phần. Để không ảnh hưởng đến lịch học cá nhân của sinh viên, trong trường hợp bất khả kháng khoa/ bộ môn có thể bố trí giảng viên cùng chuyên môn dạy thay buổi học đó hoặc giảng viên phải báo hủy lịch dạy, xin dạy bù vào thời gian thích hợp. Trường chỉ chấp nhận Phiếu báo bận của giảng viên kèm theo bản copy Quyết định của Hiệu trưởng cử giảng viên đi công tác, học tập... trong thời gian xin hủy lịch dạy. Ngoài ra, mọi thay đổi về thời khóa biểu thực hiện quy chế đào tạo hiện hành.

17.2. Trường có Ban thanh tra đào tạo để thanh tra, giám sát nội bộ việc thực hiện quy chế đào tạo của giảng viên và sinh viên; có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học phần của Trường, kết quả khảo sát được xử lý theo quy định của Trường.

17.3. Căn cứ quy định về giảng dạy trực tuyến của Nhà trường, khoa Quản lý CTĐT đề xuất danh mục các học phần được tổ chức giảng dạy bằng hình thức trực tuyến; chiếm tối đa 30% tổng số tín chỉ các học phần trong CTĐT (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh). Lớp học trực tuyến được tổ chức khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học hình thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học hình thức trực tiếp; các học phần giảng dạy trực tuyến phải quy định trong đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt.

17.4. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn cho sinh viên các nội dung thí nghiệm, thực hành, các học phần đề án, thực tập ...

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của sinh viên, đối xử công bằng với sinh viên, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên; Tham gia quản lý đơn vị, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tín nhiệm và các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao; Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy chế, quy định của Trường;

b) Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác theo đúng đề cương chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy đã được ban hành;

c) Vận dụng linh hoạt và thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên phương pháp luận, phát triển năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp;

d) Tham gia quản lý giờ học của sinh viên trên lớp, phòng thí nghiệm, nhà xưởng hoặc trên thực địa và hướng dẫn sinh viên thực tập học phần ngoài trường, tự học, tự nghiên cứu, bao gồm: Xác định và giao các vấn đề, nội dung, yêu cầu để sinh viên hoặc nhóm sinh viên chuẩn bị cho nghe giảng và thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; Xác định và giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên hoặc nhóm sinh viên;

17.5. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan đến sinh viên:

a) Đơn vị quản lý đào tạo: Lập tiến độ đào tạo trong năm học, lên kế hoạch mở lớp học phần cho từng học kỳ, tiếp nhận phân công giảng dạy cho giảng viên từ các khoa/bộ môn; xếp thời khoá biểu từng học kỳ; tổ chức cho sinh viên đăng ký học phần; chủ trì xét điều kiện cảnh báo học tập, thôi học; quản lý các bảng điểm gốc, kết quả học

tập của sinh viên, bảng tổng hợp kết quả học tập của sinh viên theo Quyết định tốt nghiệp, tổ chức in ấn, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của hệ chính quy do Phòng Đào tạo thực hiện; của hệ vừa làm vừa học do Trung tâm đào tạo thường xuyên thực hiện.

b) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: Tổ chức xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc học phần; xây dựng kế hoạch và tổ chức thi kết thúc học phần; khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của người học về học phần và giảng viên giảng dạy.

17.6. Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, đồ án, khoá luận và các hoạt động học tập khác. Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin ĐHDL để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

a) Nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để đăng ký học phần chính xác; đáp ứng các điều kiện để được đăng ký học phần thành công.

b) Tham dự đầy đủ các giờ lên lớp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của sinh viên khi giảng viên yêu cầu.

c) Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, bài thi kết thúc học phần và hoàn thành báo cáo thực tập, thực hành, thí nghiệm theo quy định.

d) Thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khác của sinh viên theo quy chế học sinh, sinh viên hiện hành.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
Q. HIỆU TRƯỞNG


Đinh Văn Châu

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2023
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ
PHỤ TRÁCH KHOA


Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC

Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình

A. Các văn bản pháp lý

1. Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
2. Thông tư 08/2021/TT-BDGĐT ngày 18/3/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.
3. Thông tư 17/2021/TT-BDGĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
4. Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
5. Quyết định 638/QĐ-ĐHDL, ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;
6. Quyết định 639/QĐ-ĐHDL, ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần của Trường Đại học Điện lực;
7. Quyết định 1244/QĐ-ĐHDL, ngày 12/8/2022 của Trường Đại học Điện lực ban hành Quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình tại Trường Đại học Điện lực;
8. Quyết định 975/QĐ-ĐHDL, ngày 04/7/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;
9. Kế hoạch số 1652/KH-ĐHDL-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Điện lực về việc triển khai kế hoạch cập nhật, đánh giá các chương trình đào tạo.
10. Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam
11. Quyết định 633/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030 ban hành ngày 23/05/2022.
12. Kết quả khảo sát các bên liên quan.
13. Kết quả hội thảo về CDR, CTĐT.
14. Báo cáo kiểm định đánh giá ngoài chương trình đào tạo kế toán năm 2022.
15. Các văn bản về tầm nhìn, sứ mệnh, chiến lược của Trường Đại học Điện lực và Khoa Kinh tế và Quản lý.

B. Khung chương trình các trường đại học trong nước và quốc tế (đính kèm file ngoài)

1. Học viện Tài chính

TT	Khối lượng kiến thức	Số TC	Ghi chú
I	Kiến thức giáo dục đại cương	48	
1	Kiến thức chung	36	
	<i>Phần bắt buộc</i>	30	
	<i>Phần tự chọn</i>	6	
2	Kiến thức GDQP&GDTC (*)	12	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
2	Kiến thức cơ sở ngành	25	
3	Kiến thức ngành	17	
4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	<i>Phần bắt buộc</i>	12	
	<i>Phần tự chọn</i>	2	
5	Kiến thức bổ trợ	21	
	<i>Phần bắt buộc</i>	13	
	<i>Phần tự chọn</i>	8	
6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng tín chỉ (I+II: gồm cả GDQP&GDTC)	141	
	Tổng tín chỉ (I+II: không bao gồm GDQP&GDTC)	129	

Ghi chú: (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 9 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ

2. Đại học Kinh tế quốc dân

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	05 HP chung của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	45	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	132	Không kể GDQP & AN và GDTC

3. Đại học Công nghiệp Hà Nội

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		LT	TH/ TN	TL/BTL/ĐA/TT	
Kiến thức Giáo dục đại cương	41	22	10	0	28.7%
Kiến thức Cơ sở ngành	47	42	3	2	32.9%
Kiến thức Chuyên ngành	40	29	5	0	28.0%
Kiến thức tốt nghiệp	15	0	0	15	10.5%
Tổng cộng	143	93	18	17	100.0%

4. Trường Monash Business school/Monash University - Australia



Course progression map for 2022 commencing students

This progression map is a guide only. It does not substitute for the list of required units as outlined in the course 'Requirements' section of the Handbook. The order of units can be rearranged, if applicable prerequisite requirements are met. The unit offering information is correct at the time of publication, however changes may occur. You are advised to check with the relevant Faculty Student Services staff when planning your course and refer to the Handbook entry for each unit prior to the start of each semester.

B2029 Bachelor of Accounting

Year 1 Semester 1	ACF1100/ACX1100 Introduction to financial accounting	ECF1100 Microeconomics	ETF1100/ETX1100 Business statistics	Free elective study unit 1
Year 1 Semester 2	ECF1200/ECX1200 Macroeconomics	BFF1001 Foundations of finance	BTF1010/BTX1010 Business law	Free elective study unit 2
Year 2 Semester 1	ACF2100/ACX2100 Financial accounting	ACF2200/ACX2200 Introduction to management accounting	Free elective study unit 3	Free elective study unit 4
Year 2 Semester 2	ACF2400/ACX2400 Accounting information systems	BTF2000/BTX2000 Australian corporations law	Free elective study unit 5	Free elective study unit 6
Year 3 Semester 1	ACF3100 Advanced financial accounting	ACF3200 Management accounting	Consulting project, international or internship experience unit*	Free elective study unit 7
Year 3 Semester 2	ACF3600 Auditing and assurance	BTF3931 Taxation law	Capstone unit ACX3900 Global issues in accounting	Free elective study unit 8

*International or internship experience can be undertaken at the end of 2nd year

5. Trường Auburn University – US

AUBURN UNIVERSITY **Accountancy (ACCT)****Freshman**

FALL	HOURS	SPRING	HOURS
<u>ENGL 1100</u> English Composition I	3	<u>ENGL 1120</u> English Composition II	3
World History I or II	3	World History I or II or Social Science Core Elective	3
Core Science I	4	Core Science II	4
<u>MATH 1680</u> Calculus with Business Applications I	4	Core Fine Arts	3
<u>BUSI 1010</u> Professional and Career Development in Business I	1	<u>COMM 1000</u> Public Speaking	3
	15		16

Sophomore

FALL	HOURS	SPRING	HOURS
<u>ACCT 2700</u> Business Law	3	<u>ACCT 2110</u> Principles of Financial Accounting	3
<u>ECON 2020</u> Principles of Microeconomics	3	<u>ECON 2030</u> Principles of Macroeconomics	3
<u>BUAL 2600</u> Business Analytics I	3	<u>BUAL 2650</u> Business Analytics II	3
Core Literature	3	Core Literature II or Humanities Core Elective	3
<u>SCMN 2150</u> Ops: Management of Business Processes	2	<u>CTCT 3250</u> Information Analysis	3
<u>BUSI 2010</u> Professional and Career Development in Business II	1		
	15		15

Junior

FALL	HOURS	SPRING	HOURS
<u>ACCT 5110</u> Intermediate Accounting I	3	<u>ACCT 5120</u> Intermediate Accounting II	3
<u>ACCT 5510</u> Accounting Information Systems	3	<u>ACCT 5300</u> Auditing and Assurance Services	3
<u>ACCT 3810</u> Professional Development in Accountancy	1	<u>ACCT 5410</u> Income Tax I	3
<u>FINC 3610</u> Principles of Business Finance	3	<u>MKTG 3310</u> Principles of Marketing	3
<u>ISMN 2140</u> Introduction to Management Information Systems	2	<u>MNGT 3100</u> Principles of Management	3
Elective	3	Elective	1
	15		16

Senior

FALL	HOURS	SPRING	HOURS
<u>ACCT 5520</u> Accounting Analytics	3	<u>ACCT 5210</u> Cost Accounting	3
Accounting Elective	3	Accounting Elective or Business Elective	3
Accounting Elective	3	Business Elective ¹	3
<u>MNGT 4800</u> Strategic Management	3	Elective	6
<u>BUSI 4010</u> Professional and Career Development in Business IV	1	<u>UNIV 4AA0</u> Achieve the Creed	0
Elective	3		
	16		15

Total Hours: 123

C. So sánh chi tiết các học phần dùng trong chương trình đào tạo

Đại học Điện lực		Học viện tài chính		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Công nghiệp				Trường Auburn University – US	
Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC			Tên học phần	TC
Toán cao cấp 2	3	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	Introduction to financial accounting - Giới thiệu về kế toán tài chính	6	English Composition I - Tiếng Anh học thuật I	3
Xác suất thống kê	2	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Microeconomics - Kinh tế vi mô	6	World History I or II - Lịch sử thế giới I	3
Triết học Mác - Lênin	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Business statistics - Thống kê kinh tế	6	Core Science I - Khoa học I	4
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Free elective study unit 1 - Môn học tự chọn 1	6	Calculus with Business Applications I - Ứng dụng kinh doanh	4
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Pháp luật đại cương	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	2	Macroeconomics - Kinh tế vi mô	6	Professional and Career Development in Business I - Phát triển nghề nghiệp trong kinh doanh I	1
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tiếng anh cơ bản 1	3	Ngoại ngữ	9	Pháp luật đại cương	2	Foundations of finance - Nền tảng tài chính	6	English Composition II	3
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tiếng anh cơ bản 2	4	Kinh tế vi mô I	3	Nhập môn Kế toán, Kiểm toán	2	Business law - Luật kinh tế	6	Social Science Core Elective - Cốt lõi của Khoa học xã hội	3
Pháp luật đại cương	2	Tin học đại cương	3	Kinh tế vĩ mô I	3	Tiếng Anh thương mại cơ bản 1	5	Free elective study unit 2 - Môn học tự chọn 2	6	Core Science II - Khoa học 2	4
Năng lượng cho phát triển bền vững	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Pháp luật đại cương	3	Tiếng Anh thương mại cơ bản 2	5	Financial accounting - Kế toán tài chính	6	Core Fine Arts - Nghệ thuật	3

Đại học Điện lực		Học viện tài chính		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Công nghiệp				Trường Auburn University – US	
Quản trị học	3	Toán cao cấp 1	2	Toán cho các nhà kinh tế	3	Tiếng Anh thương mại cơ bản 3	5	Introduction to management accounting - Giới thiệu về KT quản trị	6	Public Speaking - Giao tiếp công chúng	3
Tiếng Anh 1	4	Toán cao cấp 2	2	Quản lý học 1	3	Tiếng Anh thương mại cơ bản 4	5	Free elective study unit 3 - Môn học tự chọn 3	6	Business Law - Luật kinh tế	3
Tiếng Anh 2	4	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Tiếng anh thương mại 1	5	Free elective study unit 4 - Môn học tự chọn 4	6	Principles of Microeconomics - KT vi mô	3
Kinh tế vi mô	3	Xã hội học	2	Nguyên lý kế toán	3	Tiếng anh thương mại 2	5	Accounting information systems - Hệ thống thông tin kế toán	6	Business Analytics I - Phân tích kinh doanh 1	3
Kinh tế vĩ mô	2	Kinh tế phát triển	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	Giải tích	2	Australian corporations law - Luật DN Úc	6	Core Literature - Văn học	3
Tài chính-tiền tệ	2	Kinh tế môi trường	2	Kế toán tài chính 1	3	Đại số tuyến tính	2	Free elective study unit 5 - Môn học tự chọn 5	6	Ops: Management of Business Processes - Quản lý hoạt động kinh doanh	2
Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	Quản lý hành chính công	2	Kế toán quản trị 1	3	Lý thuyết xác suất	2	Free elective study unit 6 - Môn học tự chọn 6	6	Professional and Career Development in Business II - Phát triển nghề nghiệp trong kinh doanh 2	1
Nguyên lý kế toán	3	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế lương 1	3	Mô hình toán	3	Advanced financial accounting - Kế toán tài chính chuyên sâu	6	Principles of Financial Accounting - Nguyên tắc Kế toán tài chính	3
Quản lý tài chính	3	Kinh tế vĩ mô	3	Kiểm toán căn bản	3	Kinh tế lượng	3	Management accounting - KT quản trị	6	Principles of Macroeconomics - KT vĩ mô	3

Đại học Điện lực		Học viện tài chính		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Công nghiệp				Trường Auburn University – US	
Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	Kinh tế lượng	3	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Consulting project, international or internship experience unit* - Dự án, thực hành hoặc thực tập chuyên môn (có thể tiến hành vào cuối năm 2)	6	Business Analytics II - Phân tích kinh doanh 2	3
Lập trình Python	2	Pháp luật kinh tế	3	Kiểm toán tài chính 1	3	Kinh tế học vi mô	3	Free elective study unit 7 - Môn học tự chọn 7	6	Core Literature II or Humanities Core Elective - Văn học 2	3
Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	2	Nguyên lý kế toán	4	Kế toán quản trị 2	3	Kinh tế học vĩ mô	3	Auditing and assurance - Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	6	Information Analysis - Phân tích thông tin	3
Kế toán doanh nghiệp	3	Tiếng anh chuyên ngành 1	3	Kế toán công 1	3	Nguyên lý kế toán	3	Taxation law - Luật Thuế	6	Intermediate Accounting I - Kế toán 1	3
Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	4	Tiếng anh chuyên ngành 2	3	Kế toán tài chính 2	3	Lý thuyết thống kê	3	Capstone unit ACX3900 Global issues in accounting - Các vấn đề trong kế toán toàn cầu	6	Cost Accounting - Kế toán chi phí	3
Kế toán quản trị và chi phí	2	Tài chính tiền tệ	4	Phân tích BCTC	3	Luật kinh tế	3	Free elective study unit 8 - Môn học tự chọn 8	6	Accounting Information Systems - Hệ thống thông tin kế toán	3
Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp	4	Tin học ứng dụng	2	Hệ thống thông tin kế toán 2	3	Lý thuyết kiểm toán	3			Professional Development in Accountancy - Phát triển nghề nghiệp kế toán	1
Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	4	Tổ chức công tác kế toán trong DN	2	Kiểm toán nội bộ	3	Kế toán trong kinh doanh	3			Principles of Business Finance - Nguyên tắc tài chính kinh doanh	3
Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán	3	Chuẩn mực kế toán quốc tế	2	Kiểm toán tài chính 2	3	Marketing căn bản	3			Introduction to Management	2

Đại học Điện lực		Học viện tài chính		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Công nghiệp				Trường Auburn University – US	
										Information Systems - Giới thiệu hệ thống thông tin quản trị	
Phân tích kinh doanh	3	Đại cương về kế toán tập đoàn	2	Thực tập kế toán	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3			Intermediate Accounting II - kế toán 2	3
Thuế và thực hành	4	Kế toán tài chính 1	4	Đề án - Kiểm toán	3	Dự báo và phân tích dữ liệu kinh doanh	3			Accounting Analytics - Phân tích kế toán	3
Kiểm soát quản lý	3	Kiểm toán căn bản	2	Kế toán chi phí	3	Thị trường chứng khoán	3			Income Tax I - Thuế doanh thu 1	3
Tài chính doanh nghiệp	3	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	Tiếng anh ngành kế toán	3	Tài chính công	3			Principles of Marketing - Marketing căn bản	3
Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	4	Thống kê doanh nghiệp	2	Kiểm soát quản lý	3	Phân tích và trình bày dữ liệu trong kinh doanh	3			Principles of Management - Quản trị căn bản	3
Kiểm toán nội bộ	3	Kế toán tài chính 2	2	Kiểm soát nội bộ	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3			Elective - môn tự chọn	1
Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	3	Kế toán quản trị 1	2	Kế toán nâng cao 1	3	Thuế và kế toán thuế 1	3			Auditing and Assurance Services - Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	3
Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	3	Kiểm toán 1	2	Phân tích dữ liệu trong kế toán	3	Kế toán tài chính 1	3			Accounting Elective - Kế toán tự chọn	6
Kiến thức ngành tự chọn (Chọn 2 TC)	2	Kiểm toán 2	2	Kế toán điều tra	3	Đề án kiểm toán	3			Strategic Management - Quản trị chiến lược	3
Luật kinh tế	2	Kiểm toán 3	2	Phân tích kinh doanh	3	Thuế và kế toán thuế 2	3			Professional and Career Development in Business IV - Phát triển nghề nghiệp trong kinh doanh 4	1
Chuyên đề kế toán hợp nhất	2	Kiểm toán báo cáo tài chính	2	Hành vi tổ chức	3	Quản trị rủi ro	3			Elective - môn tự chọn	6

Đại học Điện lực		Học viện tài chính		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Công nghiệp				Trường Auburn University – US	
Kiểm toán hoạt động	2	Định giá tài sản 1	2	Lịch sử kinh tế	3	Quản trị doanh nghiệp	3			Business Elective - môn học tự chọn kinh doanh	6
Tài chính cá nhân ứng dụng	3	Thuế	2	Thẩm định dự án đầu tư	3	Nghiên cứu, ứng dụng trong kế toán, kiểm toán	2			Elective - môn tự chọn	6
Quản lý nguồn nhân lực	2	Marketing căn bản	2	Kiểm toán hoạt động	3	Đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp	2				
Khởi sự kinh doanh	2	Tài chính doanh nghiệp 1	3	Chuyên đề kiểm toán	3	Quản trị học	2				
Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	2	Quản lý tài chính công	2	Kế toán tài chính 3	3	Kế toán tài chính 2	3				
Kiểm toán tài chính 1	4	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	2	Thực hành kiểm toán BCTC	3	Kiểm toán tài chính 1	3				
Kiểm toán tài chính 2	3	Kế toán hành chính sự nghiệp 1	2	Kế toán nâng cao 1	3	Kiểm toán tài chính 2	4				
Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	3	Kế toán tài chính 4	2	Kế toán công 2	3	Kiểm toán nội bộ	3				
Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	4	Bảo hiểm	2	Kế toán quốc tế	3	Kiểm soát nội bộ	3				
Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính		Thị trường tài chính	2	Kiểm toán tài chính 3	3	Kế toán hành chính sự nghiệp	3				
Định hướng nghề nghiệp (không tích lũy tín chỉ)		Quản trị NHTM 1	2	Kế toán dự án đầu tư	3	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	3				
Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	2	Quan hệ công chúng	2	Tài chính doanh nghiệp	3	Kế toán quản trị 1	3				
Quản lý thông tin chi phí trong tổ	2	Quản trị kinh doanh	2	Tài chính công	3	Lập và trình bày BCTC DN	3				



Đại học Điện lực		Học viện tài chính		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Công nghiệp				Trường Auburn University – US	
chức (MA1-Diploma)											
Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)	2	Văn hoá doanh nghiệp	2	Thuế	3	Hệ thống thông tin kế toán	3				
Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma)	3	Internet và Thương mại điện tử	2	Khoá luận tốt nghiệp	10	Kế toán tài chính quốc tế	3				
Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	3	Mô hình toán kinh tế	2		132	Kiểm soát quản lý	3				
Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA- ACCA Diploma)	3	Kinh tế quốc tế 1	2			Phân tích BCTC	3				
Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	3	Khoa học quản lý	2			Kế toán định giá doanh nghiệp	3				
Kiến tập hệ kiểm toán	2	Kiểm toán căn bản (Tiếng anh)	2			Kiểm toán hệ thống thông tin	3				
		Thực tập cuối khoá	4			Báo cáo tài chính quốc tế	3				
		Khoá luận tốt nghiệp	6			Kế toán quản trị 2	3				
						Thực tập tốt nghiệp	6				
						Khoá luận tốt nghiệp	9				